

CÂU HỎI ÔN THI TRẮC NGHIỆM HỌC PHẦN 4(Access)

Bảng

câu1

Trong access *bảng* (table) là gì?

- A. Là đối tượng để lưu dữ liệu bao gồm cột(trường), dòng(bảng ghi)
- B. Là một đối tượng để hiện thị dữ liệu
- C. Là đối tượng dùng để in và tổng hợp dữ liệu
- D. Là một đối tượng chứa thủ tục lập trình

câu2

Sự khác nhau cơ bản của *bảng* trong(table) và *bảng* trong(query select)

- A. Bảng trong table dùng để lưu dữ liệu còn query được trích rút từ bảng theo điều kiện xác định
- B. Bảng trong table có thể xem và sửa được còn query thì không
- C. Bảng trong table có thể in ra được còn query thì không
- D. Bảng trong table là một bảng cố định còn query có thể thay đổi,thêm bớt tùy vào người sử dụng

câu3.

Tên *trường*(fields) trong access được quy định như thế nào?

- A. Không bắt đầu là dấu cách, không chứa kí tự :(.),(!),(l),(l),tối đa 64 kí tự
- B. Không bắt đầu là chữ số
- C. Tùy vào người lập trình nhưng không vượt quá 255 kí tự.
- D. Nó không theo một quy cách nào cả

câu 4.

Kiểu *trường* (data type) dùng để làm gì?

- A. Quy định dữ liệu cần đưa vào cho phù hợp với người sử dụng
- B. Nó không tác động gì cả vào dữ liệu người dùng
- C. Nó dùng để tác động đến đối tượng lập trình sau này
- D. Nó dùng để thiết lập thuộc tính đúng sai của dữ liệu

câu5.

Để thiết kế (table) nhập dữ liệu trường *thangngay* như sau: Sử dụng thuộc tính nào?

- A. (fields size) gõ :mm/dd/yyyy, (input mask) gõ: 99/99/99
- B. (fields size) gõ :dd/mm/yy, (input mask) gõ: ../../..
- C. (fields size) gõ mm/dd/yyyy,(default value) gõ : ../../..

Table1 : Table	
thangngay	
12/30/1990	
▶	/ /

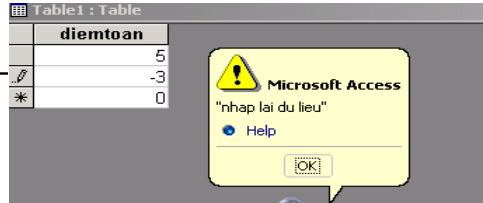
d. (fields size) chọn General Date , (default value) gõ 12/30/1990

E. tất cả trên đều sai

câu6.

Để thiết kế (table) nhập dữ liệu trường diemtoan , kiểu number với điều kiện ≥ 0 và ≤ 10 . Sử dụng thuộc tính nào sau đây:

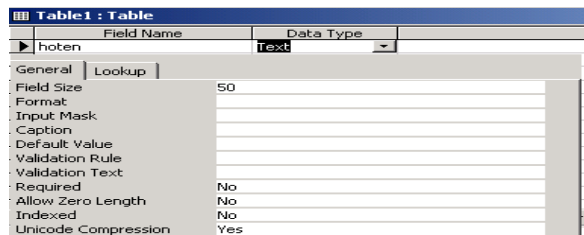
- A. Trong mục validation rule nhập: ≥ 0 ≤ 10 trong mục validation text nhập: "nhập lại dữ liệu"
- B. Trong mục validation rule nhập: ≤ 0 ≥ 10 trong mục validation text nhập: "nhập lại dữ liệu"
- C. Trong mục format nhập ≥ 0 and ≤ 10 validation text nhập: "nhập lại dữ liệu"
- D. Trong mục format nhập < 0 and ≥ 10 validation text nhập: "nhập lại dl"



câu7.

Để thiết lập thuộc tính cho trường hoten không có thuộc tính null chọn thuộc tính nào?

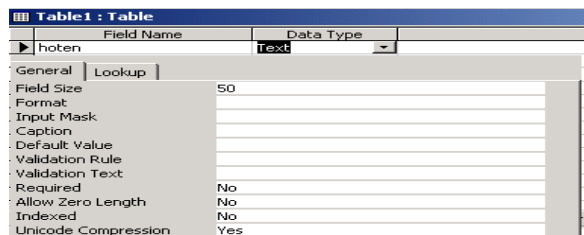
- A. Trong mục required chọn yes
- B. Trong mục required chọn No
- C. Trong mục indexed chọn yes
- D. Trong mục indexed chọn NO
- e. Tất cả các câu trên đều sai



câu8.

Để thiết kế trường :hoten, kiểu :text có độ dài tối đa là 20 ký tự ta sử dụng thuộc tính nào trong các thuộc tính sau

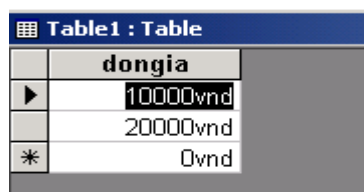
- A. trong mục fieldsize gõ 20
- B. trong mục field size gõ >20
- C. trong mục validation rule gõ 20
- D. trong mục validation rule gõ >20



câu9.

Để thiết kế trường đongia kiểu Currency để khi nhập dữ liệu có dạng: Chọn thuộc tính nào trong các thuộc tính sau

- A. trong mục format gõ: 0"vnd"
- B. trong mục format gõ:"vnd"



- C. trong mục input mask gõ :0"vnd"
- D. trong mục default value gõ:"vnd"

câu10.

Để thiết kế trường hoten kiểu:text mà khi nhập dữ liệu luôn luôn đổi sang chữ in hoa ví dụ(khi gõ:hoàng hùng thì kết quả HOÀNG HÙNG)

Field Name	Data Type
hoten	Text

General	Lookup
Field Size	50
Format	
Input Mask	
Caption	
Default Value	
Validation Rule	
Validation Text	
Required	No
Allow Zero Length	No
Indexed	No
Unicode Compression	Yes

ta chọn thuộc tính nào :

- A. trong mục Format nhập:>
- B. trong mục Format nhập:upper([hoten])
- C. trong mục validation rule nhập:upper([hoten])
- D. trong mục validation rule nhập:<
- E. tất cả câu đều sai

câu11.

Để thiết kế trường sbd kiểu text mà khi nhập dữ liệu thành tên trường đầy đủ số báo danh, chọn thuộc tính nào trong các thuộc tính sau:

- A. Trong mục caption nhập:số báo danh
- B. Trong mục format nhập: số báo danh
- C. Trong mục input mask nhập: số báo danh
- D. Trong mục default value nhập: số báo danh

câu12.

Quy tắc để xây dựng một csdl (table)

- A. Tất cả đều đúng
- B. Mỗi trường trong bảng phải mô tả một hoạt động duy nhất
- C. Các trường trong bảng phải đầy đủ và liên quan đến khoá cơ bản
- D. Mỗi bảng phải có một trường tối thiểu mà nhờ đó không có bản ghi nào trùng nhau
- E. có thể thay đổi các trường bất kỳ (trừ trường khoá)mà không làm ảnh hưởng đến trường khác

câu13

Để tạo cấu trúc bảng (Table) mới chọn cách nào trong các cách sau:

- A. design view
- B. datasheet wiew
- C. table wizard
- D. link table

câu14.

Giả sử ta có csdl như (hình 1) lọc dữ liệu như (hình 2) sử dụng phương pháp lọc

stt	ngaythang	mmh	so luong	dongia
1	14/02/02	m1	12	45000
2	14/02/02	m2	13	30000
3	15/02/02	m3	13	20000
4	15/02/02	m1	13	45000
5	16/02/02	m3	10	20000
0	16/02/02	m2	10	30000
0	0	0	0	0

HÌNH 1

stt	ngaythang	mmh	soluong	dongia
2	14/02/02	m2	13	30000
0	16/02/02	m2	10	30000
0	0	0	0	0

HÌNH 2

để
nào:

- A. Record/filter/filter by selection
- B. Record/filter/filter excluding selection
- C. Record/filter/filter by form
- D. Record/filter/apply filter

câu 15.

Giả sử ta có csdl như (hình 1) để lọc dữ liệu như (hình 2)

Sử dụng phương pháp lọc nào:

- A. Record/filter/filter excluding selection
- B. Record/filter/filter by selection
- C. Record/filter/filter by form
- D. Record/filter/apply filter

Table 1: Table

stt	ngaythang	mmh	soluong	dongia
1	14/02/02	m1	12	45000
2	14/02/02	m2	13	30000
3	15/02/02	m3	13	20000
4	15/02/02	m1	13	45000
5	16/02/02	m3	10	20000
0	16/02/02	m2	10	30000
0			0	0

HÌNH 1

Table 1: Table

stt	ngaythang	mmh	soluong	dongia
3	15/02/02	m3	13	20000
4	15/02/02	m1	13	45000
5	16/02/02	m3	10	20000
0			0	0

HÌNH 2

câu 16.

giả sử có csdl gồm 3 bảng

b1. tên bảng hoàng hoá

nội dung:

tên hàng	mmh	đơn giá
máy tính	m1	\$400
tivi	m2	\$350
tủ lạnh	m3	\$320

b2. tên bảng khách hàng

họ tên kh	địa chỉ	điện thoại	mkh
hồ tùng chi	hà nội	8231975	kh1
lê thị hoa	hà tây	761236	kh2
trần nam minh	hà nội	9712938	kh3
trần tiến nam	hà tây	834375	kh4

b3. tên bảng mua bán

mkh	mmh	số lượng	ngày mua
kh1	m1	30	12/03/2002
kh2	m2	45	12/03/2002
kh1	m3	12	12/03/2002
kh3	m3	45	12/04/2002
kh4	m2	12	02/02/2002
kh2	m1	12	02/02/2002

kiểu quan hệ giữa bảng hanghoa và bảng muaban là kiểu quan hệ gì

- A. 1-n
- B. n-1
- C. 1-1
- D. n-n

câu 17.

giả sử có csdl gồm 3 bảng

b1. tên bảng **hanghoa**

nội dung:

tên hàng	mmh	đơn giá
máy tính	m1	\$400
tivi	m2	\$350
tủ lạnh	m3	\$320

b2. tên bảng **khachhang**

họ tên kh	địa chỉ	điện thoại	mkh
hồ tùng chi	hà nội	8231975	kh1
lê thị hoa	hà tây	761236	kh2
trần nam minh	hà nội	9712938	kh3
trần tiến nam	hà tây	834375	kh4

b3. tên bảng **muaban**

mkh	mmh	số lượng	ngày mua
kh1	m1	30	12/03/2002
kh2	m2	45	12/03/2002
kh1	m3	12	12/03/2002
kh3	m3	45	12/04/2002
kh4	m2	12	02/02/2002
kh2	m1	12	02/02/2002

Kiểu quan hệ giữa bảng **muaban** và bảng **khachhang** là kiểu quan hệ gì

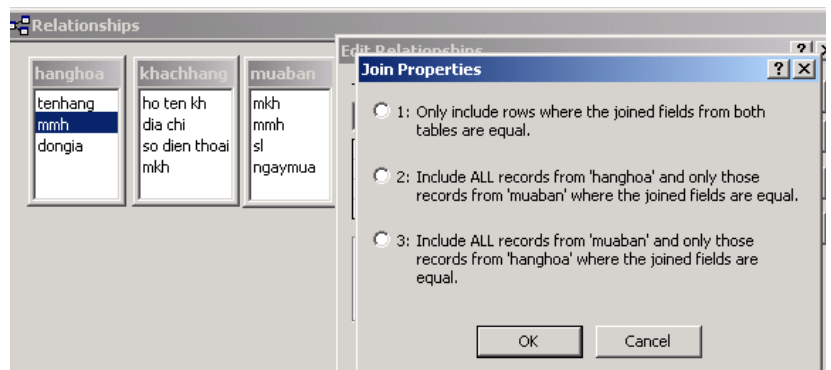
- A. n-1
- B. 1-n
- C. 1-1
- D. n-n

câu18.

giả sử có csdl gồm 3 bảng(hanghoa,muaban,khachhang), Mỗi bảng có khoá cơ bản khi đặt mối quan hệ như hình vẽ

Nếu chọn vào nút option 1 thì kiểu quan hệ giữa hai bảng là kiểu quan hệ gì

- A. 1-1
- B. 1-n
- C. n-1
- D. n-n

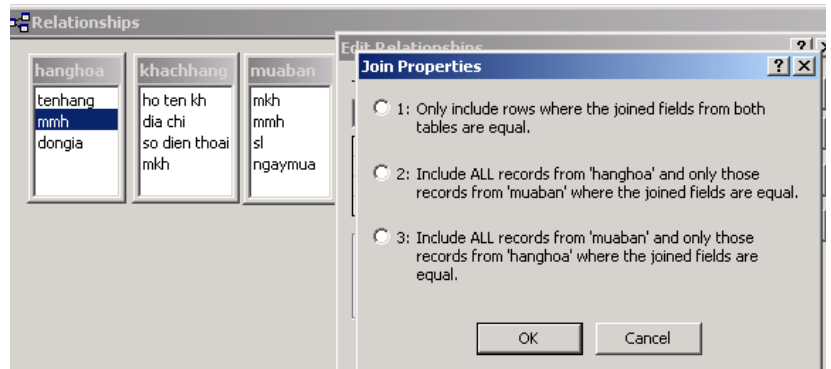


câu19.

giả sử có csdl gồm 3 bảng(hanghoa,muaban,khachhang), Mỗi bảng có khoá cơ bản khi đặt mối quan hệ như hình vẽ

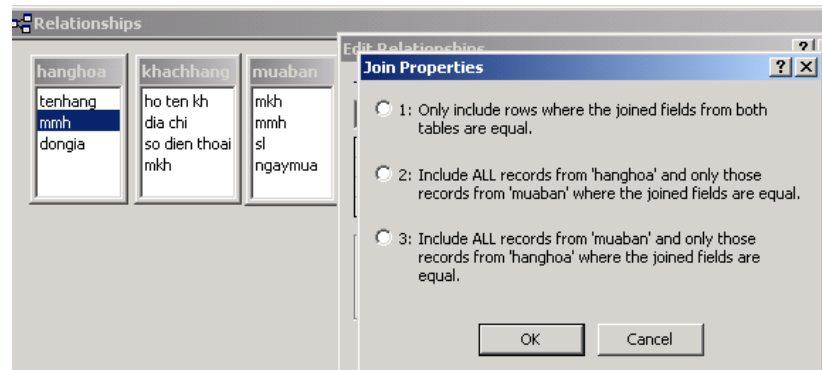
Nếu chọn vào nút option 2 thì kiểu quan hệ giữa hai bảng(hanghoa và muaban) là kiểu quan hệ gì

- A. n-1
- B. 1-n
- C. 1-1
- D. n-n



câu20.

giả sử có csdl gồm 3



bảng(hanghoa,muaban,khachhang), Mỗi bảng có khoá cơ bản khi đặt mối quan hệ như hình vẽ

Nếu chọn vào nút option 3 thì kiểu quan hệ giữa hai bảng(muaban và hanghoa) là kiểu quan hệ gì

- A. n-1
- B. 1-n
- C. 1-1
- D. n-n

câu 21: Access có thể sắp bao nhiêu cột trong một bảng ?

- 1. **Nhiều cột**
- 2. Một cột duy nhất
- 3. **Hai cột**
- 4. **Ba cột**
- 5. **Tối đa là 10 cột**

Câu 22: Để thoát khỏi Access 97 thao tác nào là đúng

- A. **chọn menu File/Exit**
- B. **Kích vào nút close trên thanh tiêu đề**
- C. **ấn Alt+F4**
- D. tất cả đều đúng

Câu 23: Khoá cơ bản là ?

a. Là một trường trong bảng để xác định các thuộc tính khác của thực thể

b. Là số trường tối thiểu trong bảng

c. Là để xác định mối quan hệ giữa các bảng

d. là một hoặc nhiều trường trong bảng mà thoả mãn tính chất không có bản ghi nào trong bảng có các trường khoá chính trùng nhau và khoá chính sẽ xác định các thuộc tính còn lại của thực thể

Câu 24: Tạo một csdl gồm các bảng sau:

Bảng sinhvien

Masv	Hoten	Ngaysinh	Khoa	Hocbong
TD1977	Trần Quốc Tuấn	1/1/1982	Tin	180000
TD1978	Trần Thu Hồng	1/2/1982	Tin	
TD1979	Lê Anh Dũng	2/3/1982	Kế Toán	180000

Bảng monhoc

Mamh	Tenmh	Sotrinh
TH101	Tin học đại cương	4
TH110	The dục	3

Bảng ketqua

Masv	Mamh	Lanthi	Diem
TD1977	TH101	1	7
TD1978	TH101	1	8
TD1977	TH101	1	9
TD1978	TH110	2	6.5

Kiểu quan hệ giữa bảng sinhvien và bảng ketqua là quan hệ gì?

A. 1-1

B. 1-n

C. n-1

D. n-n

Câu 25: Tập Access có đuôi mặc định là ?

A. XLS

B. DOC

C. MDB

D. DBF

Câu 26: CSDL là ?

- A. là một tập hợp các bản ghi (records) và các tập tin (files) được tổ chức theo một mục đích nào đó
- B. là Tập hợp các bảng (tables)
- C. là những dữ liệu rời rạc, không có quan hệ với nhau
- D. là tập hợp các file chứa thông tin được tổ chức theo một mục đích nào đó

Câu 27: Access là một phần mềm:

- A. Được tích hợp luôn trong hệ điều hành Windows của Microsoft
- B. độc lập với hệ điều hành, cài đặt riêng. không có phần mềm nào khác đi kèm

C. Tích hợp trong bộ Microsoft Office

D. Tất cả các lựa chọn trên

Câu 28: Các đối tượng chính trong Access là

- a. bảng, truy vấn, biểu mẫu, báo biểu
- b. bảng, truy vấn, biểu mẫu, môđun
- c. bảng, biểu mẫu, báo biểu, môđun, macro
- d. bảng, truy vấn, biểu mẫu, báo biểu, trang truy nhập dữ liệu, macro,

môđun

Câu 29: Các thành phần nào trong các thành phần sau được nói đến trong bảng

- a. thuộc tính, trường, hàng, mã
- b. trường (cột), bản ghi (hàng), khoá chính (primary key)
- c. giá trị, tham số
- d. chẳng có lựa chọn nào đúng

câu 30: Access là

- a. một hệ quản trị cơ sở dữ liệu (database management system- DBMS)
- b. là chương trình quản lý dl
- c. là phần mềm tính toán
- d. là phần mềm xử lý dữ liệu

Câu 31: Trong các kiểu dữ liệu sau, kiểu nào có thể cho phép chứa được 64.000 ký tự?

- a. Kiểu text
- b. Kiểu Memo
- c. Kiểu OLE Object
- d. kiểu string

Câu 32; Khi đã tạo một quan hệ giữa hai bảng, nếu muốn sửa đổi quan hệ cần thực hiện

- a. Xoá bỏ bảng có quan hệ đã tạo và tạo lại bảng mới
- b. Xoá bỏ hoàn toàn cơ sở dữ liệu và tạo lại
- c. Không thể thay đổi được một quan hệ khi nó đã được tạo ra
- d. Kích phải vào quan hệ muốn sửa đổi và chọn Edit Relation Ships và sửa đổi lại đây

Câu 33: Quan hệ nào không tồn tại giữa hai bảng trong access?

- a. quan hệ 1-1
- b. quan hệ 1-n
- c. quan hệ 0-1
- d. quan hệ n-n

Câu 34: Thuộc tính Cascade Update Related Fields được đặt khi thiết lập giữa hai bảng nhằm:

- a. **Cấm người dùng xoá bỏ các bản ghi**
- b. **Cấm người dùng cập nhật vào một bảng nếu bảng đó có trường khoá nối đến một bảng khác**
- c. Cho phép khi sửa giá trị trường khoá trong bảng chính thì giá trị tương ứng của bản ghi trong trường quan hệ cũng bị thay đổi theo
- d. **Không cho phép sửa giá trị của trường tham gia quan hệ với trường khoá trong bảng chính**

Câu 35: Thuộc tính Cascade delete related fields đặt khi thiết lập quan hệ giữa hai bảng nhằm:

- a. **Cho phép xoá một bản ghi trong bảng chính khi nó có tham gia liên kết với bảng khác**
- b. Cho phép khi xoá một bản ghi trong bảng chính thì các bản ghi tương ứng trong bảng quan hệ cũng bị xoá theo
- c. **Không cho phép xoá bản ghi chính nếu nó vẫn tồn tại các giá trị liên kết trong bảng quan hệ**
- d. **Không có ý nghĩa gì về mặt thực hiện các thao tác xoá bản ghi, chỉ có ý nghĩa khi thực hiện thao tác cập nhật hoặc sửa đổi thông tin**

Câu 36: Các điều kiện nào trong các điều kiện sau không được dùng trong truy vấn?

- a. Các phép so sánh =, <>, <=, >=
- b. Các phép toán logic and, or, not, between... and
- c. So sánh xâu ký tự : is="xâu ký tự cần so sánh"
- d. Phép in

Câu 37: hàm nào trong các hàm sau trả lại kết quả là ngày và giờ hiện tại của máy

- a. Now()
- b. Date()
- c. Date time()
- d. Dateadd()

Câu 38: Phép toán : "Ho"&"Ten" trả lại kết quả nào trong các kết quả sau?

- a. Ho Ten
- b. "Ho"&" " "Ten"
- c. Ho " " Ten
- d. HoTen

Câu 39: Trong các hàm sau đây hàm nào không được sử dụng trong truy vấn?

- a. Total
- b. Sum
- c. Count
- d. Max

Câu 40; Giả sử ta có csdl như hình 1

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
	b002	nguyen thi na	<input checked="" type="checkbox"/>	10/01/2001	nghe an	VL
	C003	PHAM HOAI	<input type="checkbox"/>	12/02/2001	PHU THO	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	E001	NGUYEN THI	<input checked="" type="checkbox"/>	01/02/2001	TAY NINH	AV
	A003	TRAN ANH T	<input type="checkbox"/>	03/03/2001	NINH BINH	VL
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

và lọc dữ liệu như hình sau:

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
	C003	PHAM HOAI	<input type="checkbox"/>	12/02/2001	PHU THO	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

Sử dụng phương pháp lọc nào:

- a. records/filter/filter by selection
- b. records/filter /filter by form
- c. records/filter/ filter excluding selection
- d. records/filter/ apply filter

Câu 41: giả sử có màn hình chọn điều kiện lọc

danh sach: Filter by Form						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶			<input type="checkbox"/>			CNTT

và màn hình sau khi lọc

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
	C003	PHAM HOAI	<input type="checkbox"/>	12/02/2001	PHU THO	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

Sử dụng phương pháp lọc nào?

- a. records/filter/filter by selection
- b. records/filter /filter by form
- c. records/filter/ filter excluding selection
- d. records/filter/ apply filter

Câu 42: từ bảng csdl hình 1

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
▶	b002	nguyen thj na	<input checked="" type="checkbox"/>	10/01/2001	nghe an	VL
	C003	PHAM HOAI	<input type="checkbox"/>	12/02/2001	PHU THO	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	E001	NGUYEN THI	<input checked="" type="checkbox"/>	01/02/2001	TAY NINH	AV
	A003	TRAN ANH T	<input type="checkbox"/>	03/03/2001	NINH BINH	VL
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

Màn hình sau khi lọc

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
	C003	PHAM HOAI	<input type="checkbox"/>	12/02/2001	PHU THO	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	E001	NGUYEN THI	<input checked="" type="checkbox"/>	01/02/2001	TAY NINH	AV
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

Sử dụng phương pháp lọc nào?

- records/filter/filter by selection
- records/filter /filter by form
- records/filter/ filter excluding selection
- records/filter/ apply filter

Câu 43: ta có hình 1 như sau

sau khi lọc ta có hình sau

danh sach : Table						
	masv	hoten	gioitinh	ngaysinh	diachi	khoa
▶	a001	nguyen van na	<input type="checkbox"/>	14/01/2001	ha noi	CNTT
	D001	NGUYEN HO.	<input type="checkbox"/>	14/03/2001	HA NOI	CNTT
	A004	NGUYEN LY	<input checked="" type="checkbox"/>	04/08/2001	HA NOI	CNTT
*			<input type="checkbox"/>			

sử dụng phương pháp lọc nào?

- records/filter/filter by selection
- records/filter /filter by form
- records/filter/ filter excluding selection
- filter/ advanced filter/sort

Truy vấn

câu1.

Truy vấn(Query) là gì?

- A. Là một đối tượng được trích rút từ bảng theo một điều kiện xác định
- B. Là một đối tượng để hiển thị dữ liệu
- C. Là một đối tượng thiết kế để in dữ liệu
- D. Là một đối tượng chứa các thủ tục lập trình

câu2.

Tên trường trong tiêu chuẩn truy vấn được đặt trong hai dấu :

- A. []
- B. ()
- C. {}
- D. <>

câu3.

Kiểu ngày giờ trong tiêu chuẩn truy vấn được đặt trong dấu :

- A. # #
- B. & &
- C. \$ \$
- D. * *

câu4.

Có bao nhiêu kiểu truy vấn

- A. 6
- B. 7
- C. 4
- D. 5

câu5.

Để tạo ra bảng mới theo một điều kiện xác định từ một csdl có sẵn ,dùng cách truy vấn nào trong các truy vấn sau

- A. make table query
- B. selec query
- C. appen query
- D. update query
- E. delete query

câu6.

Để lấy thông tin theo một điều kiện xác định từ một csdl có sẵn ,dùng cách truy vấn nào trong các truy vấn sau:

- A. select query
- B. make table query

- C. update query
- D. crosstab query
- E. appen query

câu7.

Để lấy thông tin theo nhóm ta sử dụng truy vấn nào?

- A. crosstab query
- B. update query
- C. select query
- D. make table query

câu8.

Để cập nhật thông tin mới vào csdl có sẵn dùng truy vấn nào?

- A. update query
- B. make table query
- C. selec query
- D. appen query

câu9.

Để bổ sung bản ghi vào bảng từ một bảng khác có cùng cấu trúc, sử dụng query nào trong các query sau:

- A. append query
- B. make table query
- C. update query
- D. selec query

câu10.

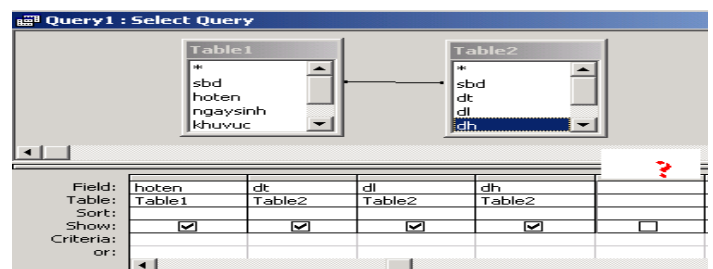
Để xóa bản ghi của csdl theo một điều kiện xác định sử dụng truy vấn(query) nào trong các query sau:

- A. delete query
- B. update query
- C. make table query
- D. crosstab query
- E. selec query

câu11.

Giả sử có csdl chuẩn (sbd làm trường khoá). Để đưa ra thông tin tất cả thí sinh, sinh từ năm 1980 đến 1984 chọn cách nào trong các cách sau:

- A. Trong mục Field



- A. Trong mục Field nhập:ns:year([ngaysinh]); criteria nhập:between 1980 and 1984

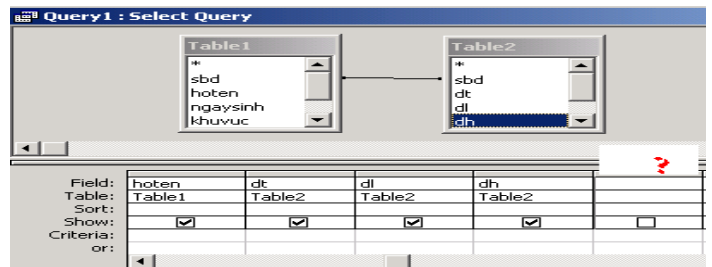
- B. Trong mục Field nhập: [ngaysinh] ;mục criteria nhập:between 1980 and 1984

- C. Trong mục Field nhập: ns:year([ngaysinh]) ;mục criteria nhập:from 1980 to 1984
 D. Trong mục Field nhập: ngaysinh ; mục criteria nhập:>=1980 and <=1984

câu12.

Giả sử có csdl chuẩn (sbd làm trường khoá).ĐỂ ĐƯA RA THÔNG TIN TẤT CẢ THÍ SINH CÓ QUÊ QUÁN HÀ NỘI, NGHỆ AN, BẮC NINH CHỌN CÁCH NÀO TRONG CÁC CÁCH SAU:

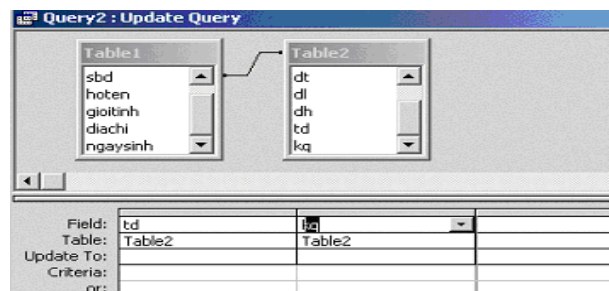
- A. Trong mục field chọn diachi; Criteria nhập:In(“hà nội”,”nghệ an”,”bắc ninh”)
 B. Trong mục field chọn diachi; Criteria nhập:(“hà nội”,”nghệ an”,”bắc ninh”)
 C. Trong mục field chọn diachi; Criteria nhập:“hà nội”and”nghệ an”and”bắc ninh”
 D. Trong mục field chọn diachi; Criteria nhập:In(“hà nội”or ”nghệ an”or”bắc ninh”)



câu13.

Giả sử có csdl chuẩn(sbd làm trường khoá) muốn cập nhật vào table2 thông tin td=dt+dl+dh (hình vẽ minh họa) làm cách nào trong các cách sau:

- A. Trong mục update to của trường td nhập: dt+dl+dh
 B. Trong mục update to của trường td nhập: td= dt+dl+dh
 C. Trong mục update to của trường td nhập: td; criteria nhập:dt+dl+dh
 D. Trong mục criteria nhập: dt+dl+dh
 E. Tất cả đều sai

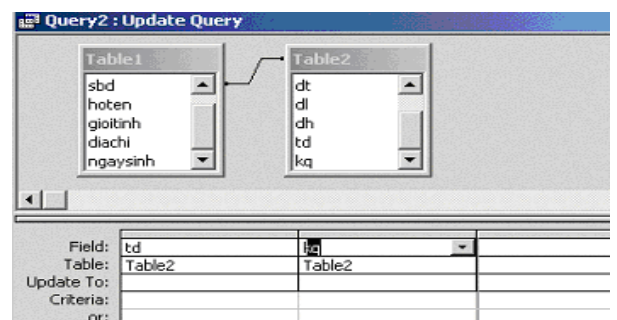


câu14.

Giả sử có csdl chuẩn (sbd làm trường khoá) muốn cập nhật vào table2 thông tin:

kq=”ĐỔ” nếu td>=15 và kq=”TRƯỢT” nếu td<15(hình vẽ minh họa) làm cách nào trong các cách sau:

- A. Trong mục update to của của kq nhập:iif(td>=15,”đổ”,”trượt”)
 B. Trong mục update to của của kq nhập:iif(td>=15,”đổ”,iif(td<=15,”trượt”))



- C. Trong mục Field của của kq nhập:iif(td>=15,"đỗ","trượt")
- D. Trong mục criteria của kq nhập:iif(td>=15,"đỗ","trượt")

câu15.

Giả sử có csdl chuẩn (mmh :làm trường khoá).Để thống kê theo ngày tháng số lượng hàng bán được ,ta làm nào trong các vấn crosstab

cách truy sau:

Field:	tenhang	sl	ngayban	
Table:	Table2	Table1	Table1	
Total:	Group By	Group By	Group By	
Crosstab:				
Sort:				
Criteria:				
or:				

Tron total

KẾT QUẢ				
tenhang	4/4/2002	5/4/2002	7/4/2002	12/4/2002
may giat	7		1	
ti vi			3	12
tu lanh	2		10	

- A. g mục của

- tenhang :group by,soluong:sum ,ngayban:group by;trong mục crosstab của tenhang: column heading soluong:value,ngay ban: row heading
- B. Trong mục total của tenhang :sum,soluong: group by ,ngayban:group by;trong mục crosstab của tenhang:value,soluong: column heading,ngay ban: row heading
- C. Trong mục total của tenhang :group by,soluong:sum ,ngayban:group by;trong mục crosstab của tenhang: row heading ;soluong:value,ngay ban: column heading
- D. Trong mục total của tenhang :group by,soluong:sum ,ngayban:group by;trong mục crosstab của tenhang:value soluong: column heading ,ngay ban: row heading

câu16.

Giả sử có csdl chuẩn (sbd làm trường khoá) muốn đưa ra thông tin tất cả thí sinh, sinh năm 1980 và kq:"đỗ" sử dụng cách nào trong các cách sau:

Field:	hoten	dt	dl	dh		
Table:	Table	Table2	Table2	Table2		
Sort:						
Show:	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Criteria:						
or:						

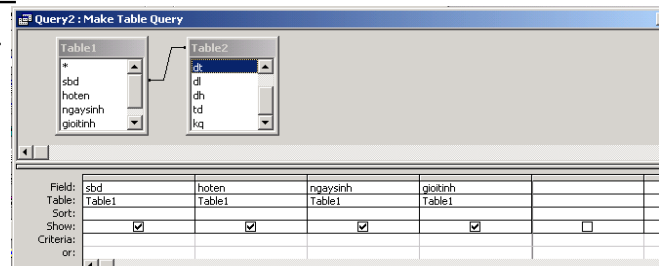
- A. trong mục field của ngaysinh nhập:ns:year([ngaysinh]);criteria:1980;trong mục field của kq chọn :kq; criteria nhập:"đỗ"
- B. trong mục field của ngaysinh nhập:[ngaysinh];criteria nhập:year=1980;trong mục field của kq chọn :kq, criteria nhập:"đỗ"

- C. trong mục field của ngaysinh nhập:ngaysinh ;criteria nhập:1980;trong mục field của kq chọn :kq ,criteria nhập:"đỗ"
- D. trong mục field của ngaysinh nhập:[ngaysinh];criteria nhập:year=1980;trong mục field của kq nhập :kq="đỗ"

câu17.

Giả sử có csdl chuẩn (sbd làm trường khoá; kq: đã được cập nhật) muốn tạo ra bảng mới với thi sinh "đỗ" sử dụng cách nào trong các cách sau:

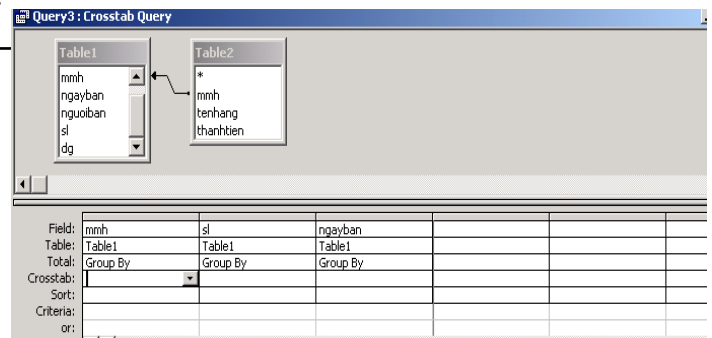
- A. chọn query/make table query/ nhập tên bảng mới, trong mục criteria của trường kq nhập:"đỗ"
- B. chọn query/make table query/ nhập tên bảng mới ,Trong mục field của trường kq nhập:kq:"đỗ"
- C. chọn query/make table query/ nhập tên bảng mới ,trong mục criteria của trường kq nhập:đỗ
- D. chọn query/make table query/ nhập tên bảng mới ,trong mục criteria của trường kq nhập:kq="đỗ"



câu18.

Giả sử có csdl chuẩn (mmh:làm trường khoá) hãy thống kê theo từng tháng mã mặt hàng bán được

- A. Trong mục Field của ngayban nhập: **thang:month([ngayban]) crosstab chọn : row heading**
Trong mục ToTal của số lượng chọn sum ;crosstab chọn value;
Trong mục crosstab của mmh chọn :column heading



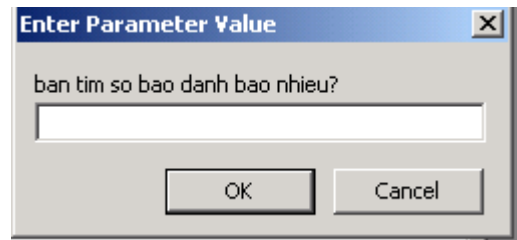
- B. Trong mục criteria của ngayban nhập:thang:month([ngayban]) crosstab chọn : row heading
 Trong mục ToTal của số lượng chọn sum ;crosstab chọn value;
 Trong mục crosstab của mmh chọn :column heading
- C. Trong mục Field của ngayban nhập:thang:month([ngayban]) crosstab chọn : column heading
 Trong mục ToTal của số lượng chọn sum ;crosstab chọn row heading
 Trong mục crosstab của mmh chọn :value
- D. Trong mục Field của ngayban nhập:month:([ngayban]) crosstab chọn : row heading
 Trong mục ToTal của số lượng chọn sum ;crosstab chọn value;
 Trong mục crosstab của mmh chọn :column heading

câu19.

Giả sử khi chạy một truy vấn hiện ra thông báo

Sử dụng truy vấn nào trong các truy vấn sau:

- A. select query
- B. crosstab query
- C. make table query
- D. update query
- E.

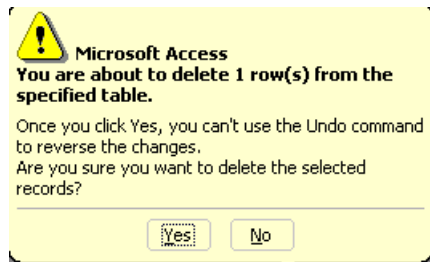


câu20.

Giả sử khi chạy một truy vấn hiện lên thông báo:(hình ảnh)

sử dụng truy vấn nào trong các truy vấn sau:

- A. delete query
- B. update query
- C. select query
- D. appen query
- E. tất cả đều sai



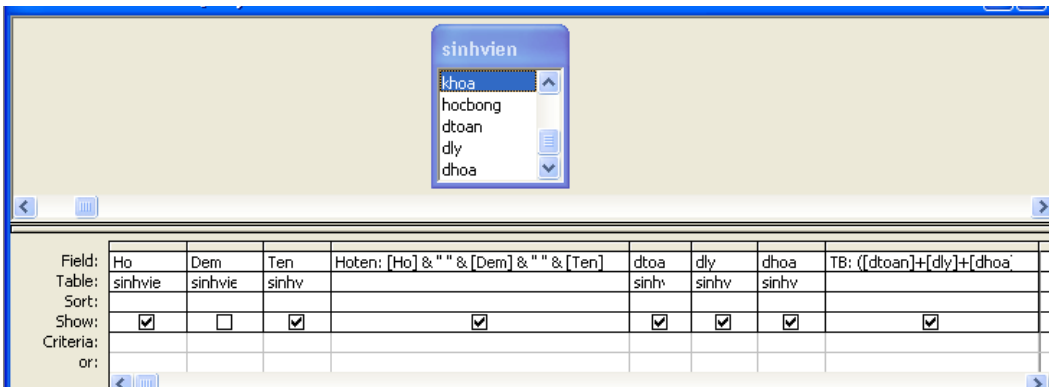
câu 21: Cách viết Like"!0-9]a[a-c]" là thể hiện dạng nào ?

- a. **Ky tự đầu không phải số, ky tự thứ 2 là a, ky tự thứ 3 là 1 trong hai chữ cái [a,c]**
- b. **ky tự đầu không phải là số 0, ky tự thứ 2 là a, ky tự thứ 3 là 1 trong các chữ cái[a,b,c]**
- c. **ky tự đầu không phải là số 0, ky tự thứ 2 là a, ky tự thứ 3 là 1 trong hai chữ cái [a,c]**
- d. **Ky tự đầu không phải số, ky tự thứ 2 là a, ky tự thứ 3 là 1 trong các chữ cái[a,b,c]**

Câu 22: Toán tử *?

- a. **đại diện cho một ký tự bất kỳ**
- b. **đại diện cho một ký tự số**
- c. **toán tử phủ định**
- d. **đại diện cho một xâu ky tự có độ dài bất kỳ**

câu 23: từ bảng truy vấn sau



Sau khi chọn Query/run

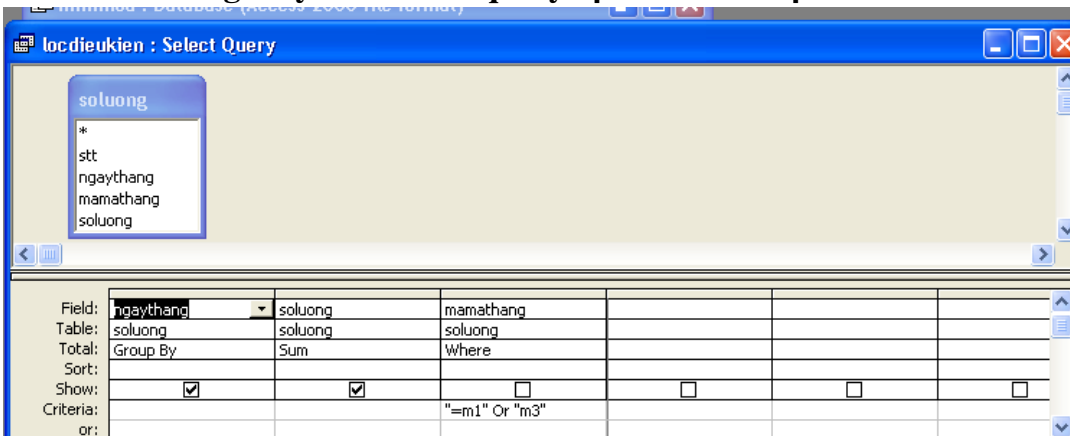
thì ở bảng select query ?

- a. gồm các trường ho, dem, ten, hoten, dtoan, dly, dhoa, tb
- b. chỉ tính mà không hiện lên bảng select query
- c. không chạy được, báo lỗi
- d. gồm các trường ho, ten, hoten, dtoan, dly, dhoa, tb

Câu 24: để hiển dòng Totals trong select query vào

- a. menu edit / totals
- b. Menu view/ totals
- c. menu format/ totals
- d. menu insert/ totals

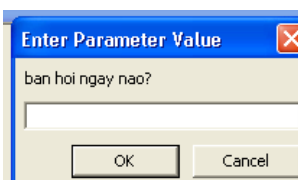
Câu 25: ở bảng truy vấn select query lọc có điều kiện sau



khi chọn query / run thì ở bảng select query gồm?

- a. cột ngaythang, sumofsoluong, mamathang
- b. cột ngaythang, soluong, mamathang
- c. cột ngaythang, soluong
- d. cột ngaythang, sumofsoluong

Câu 26: để tạo một truy vấn hỏi đáp như sau:



Thì bảng select query để [ban hỏi ngay nao?] ở

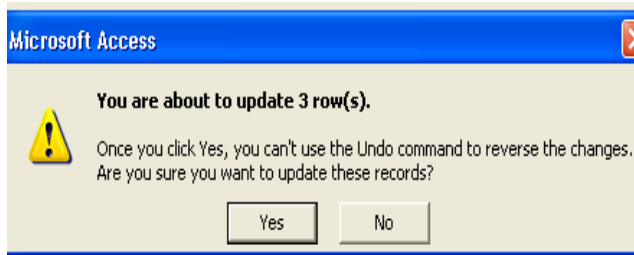
a. dòng Totals

b. dòng sort

c. dòng show

d. dòng Criteria

Câu 27: khi chạy hộp thông báo sau xuất hiện. Hỏi đã sử dụng truy vấn nào?



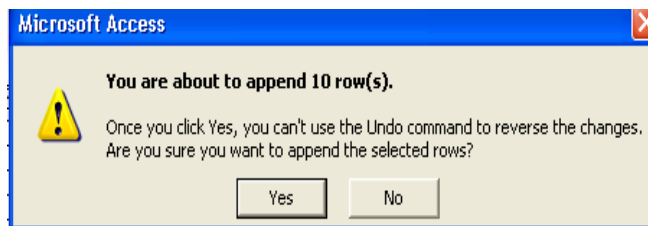
a. make-table query

b. update query

c. append query

d. crosstab query

Câu 28: khi chạy hộp thông báo sau xuất hiện. Hỏi đã sử dụng truy vấn nào?



a. delete query

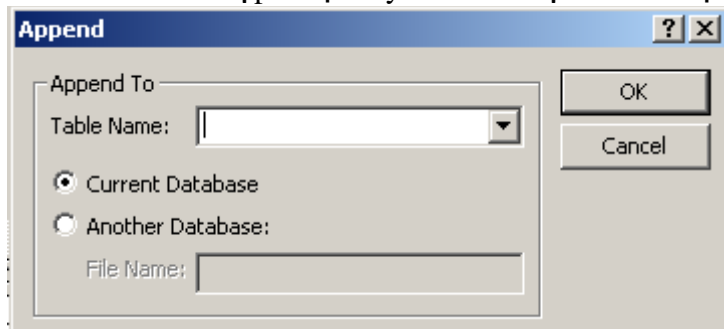
b. crosstab query

c. make-table query

d. update query

e. không cái nào

Câu 29. Hộp thoại này sẽ xuất hiện khi ta chọn query nào?



A. Update Query

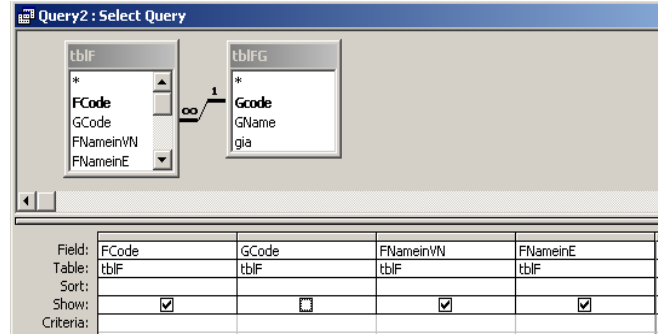
B. Make-Table Query

C. Select Query

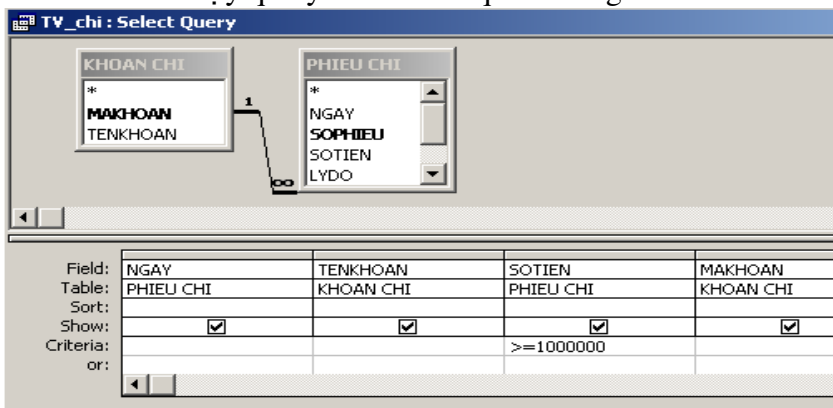
D. Append Query

Câu 30. Khi chạy query sau thì trường nào sẽ xuất hiện trên màn hình

- A. FCode, GCode, FNameinVN
- B. FCode, GCode, FnaminVN, FNameinE
- C. FCode, GCode, FNameinE
- D. FCode, FnaminVN, FNameinE



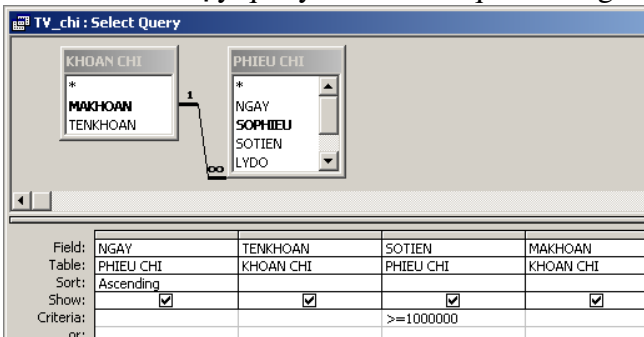
Câu 31. Khi chạy query sau thì kết quả sẽ là gì?



A. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN >=1000000

- B. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN <=1000000
- C. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN >1000000
- D. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN

Câu 32. Khi chạy query sau thì kết quả sẽ là gì?

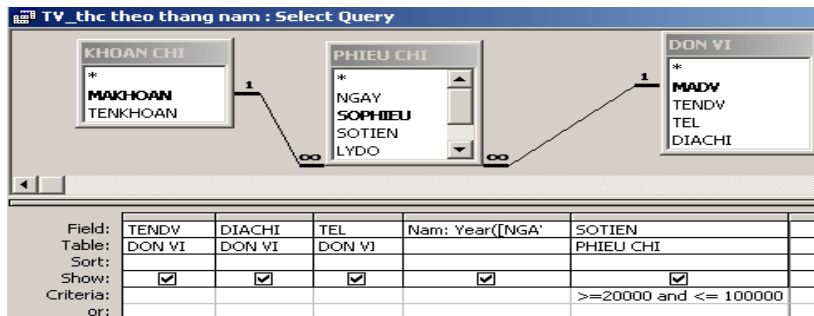


A. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN >=1000000

B. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN >=1000000 và cột ngày được sắp xếp tăng dần

- C. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN với những bản ghi có SOTIEN>1000000
- D. Xuất hiện các trường NGAY, TENKHOAN, SOTIEN, MAKHOAN

Câu 33. Khi chạy query sau thì kết quả sẽ là gì?



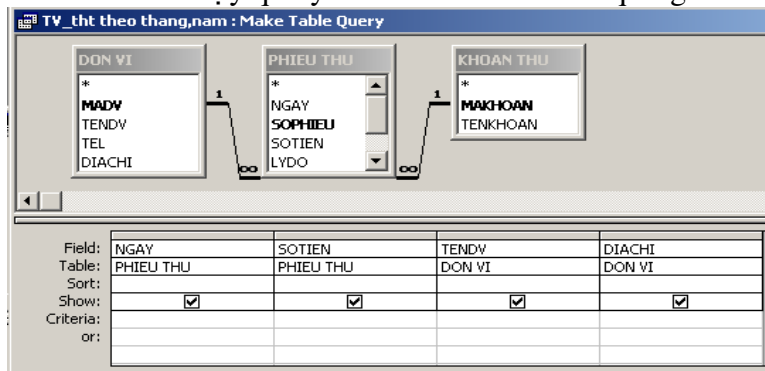
A. Xuất hiện các trường TENDV, DIACHI, TEL, Year, SOTIEN với điều kiện $100000 \geq SOTIEN \geq 20000$

B. Xuất hiện các trường TENDV, DIACHI, TEL, Year, SOTIEN với điều kiện $100000 \leq SOTIEN \leq 20000$

C. Xuất hiện các trường TENDV, DIACHI, TEL, Nam, SOTIEN với điều kiện $100000 \geq SOTIEN \geq 20000$

D. Xuất hiện các trường TENDV, DIACHI, TEL, Nam, SOTIEN với điều kiện $100000 \leq SOTIEN \leq 20000$

Câu 34. Khi chạy query sau thì sẽ đưa ra kết quả gì?



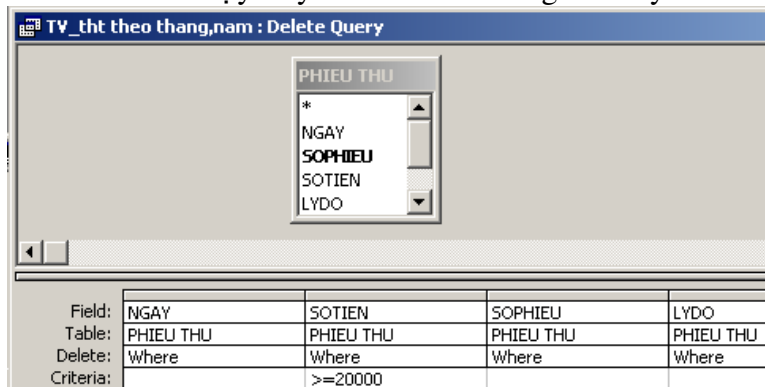
A. Tạo ra một bảng mới với các trường NGAY, SOTIEN, TENDV, DIACHI

B. Xuất hiện các trường NGAY, SOTIEN, TENDV, DIACHI

C. Cả câu A và câu B

D. Tất cả đều sai

Câu 35. Khi chạy truy vấn sau thì điều gì sẽ xảy ra?



A. Các bản ghi trong bảng PHIEU THU có SOTIEN <20000 sẽ bị xóa

B. Các bản ghi trong bảng PHIEU THU có SOTIEN >=20000 sẽ bị xoá

- C. Các bản ghi trong bảng PHIEU THU có SOTIEN >20000 sẽ bị xoá
- D. Xuất hiện các trường NGÀY, SOTIEN, SOPHIEU, LYDO với SOTIEN >=20000
- E. Tất cả các ý trên đều sai

Câu 36. Để chọn kiểu truy vấn là Update Query ta phải làm như thế nào?

- A. File\ Update Query
- B. View\ Update Query
- C. Query\ Update Query
- D. .Kích chọn biểu tượng Query Type trên thanh công cụ, chọn Update

E. Cả hai câu C, D đều đúng

Câu 37. Chức năng của Make- Table query là gì?

- A. Cập nhật dữ liệu cho các cột trong bảng
- B. Nối dữ liệu ở hai bảng có cùng cấu trúc lại với nhau

C. Tạo ra một bảng mới từ cơ sở dữ liệu hiện thời

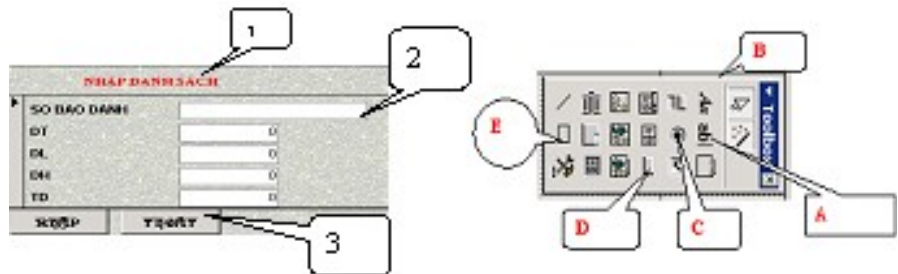
- D. Tất cả đều sai

Form

Câu1

Để thực hiện được kết quả 1 sử dụng nút lệnh nào?

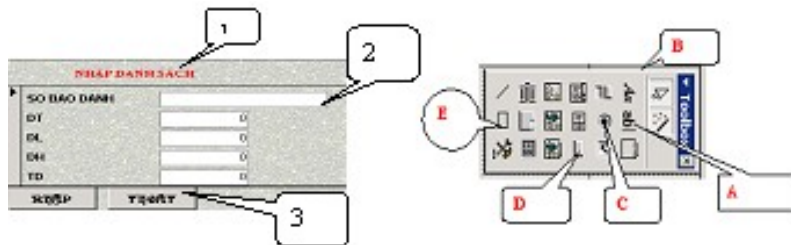
- 1. **B**
- 2. **A**
- 3. **C**
- 4. **D**
- 5. **E**



Câu2: (ảnh)

Để thực hiện được kết quả 2 sử dụng nút lệnh nào?

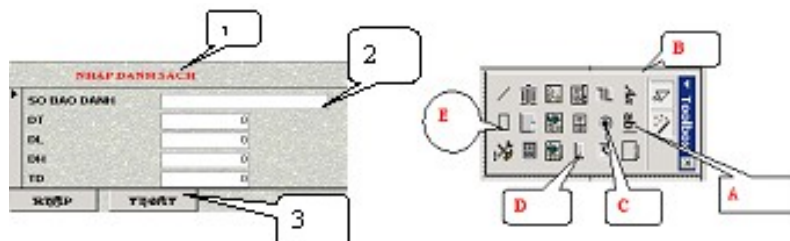
- a. **D**
- b. **A**
- c. **B**
- d. **C**
- e. **E**



Câu3: (ảnh)

Để thực hiện được kết quả 3 sử dụng nút lệnh nào?

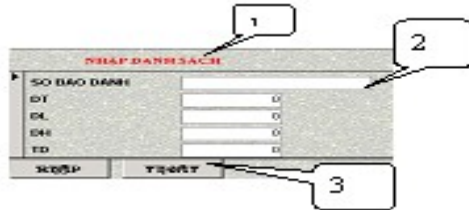
- A. **A**



- B. C
- C. B
- D. D
- E. E

Câu4: (ảnh)

Để viết được dòng chữ 'EXIT' Vào đối tượng 3 thì phải chọn mục nào trong Properties?



i. Mục Caption

- B. **Mục Name**
- C. **Mục Label**
- D. **Mục Text**
- E. **Không có mục nào**

câu 5

Dữ liệu khi nhập ở Forms thì được lưu vào đâu ?

1. **Lưu vào Tables(bảng)**
2. **Lưu vào Query(bảng truy vấn)**
3. **Lưu vào chính Form đang nhập**
4. **Lưu vào một tệp khác**
5. **Lưu vào Report**

câu 6

Khi thiết kế Form Design muốn bật thanh công cụ thiết kế toolbox chọn đối tượng nào trong đối tượng sau:

1. **Kích chuột vào đối tượng 3**
2. **Kích chuột vào đối tượng 2**
3. **Kích chuột vào đối tượng 1**
4. **Kích chuột vào đối tượng 4**
5. **Kích chuột vào đối tượng 5**



Câu 7

Khi thiết kế Form Design muốn đặt thuộc tính cho các đối tượng trên Form. Ta phải kích chuột vào đối tượng nào (Hình ảnh minh họa)

1. **Kích chuột vào đối tượng 5**
2. **Kích chuột vào đối tượng 1**
3. **Kích chuột vào đối tượng 2**
4. **Kích chuột vào đối tượng 3**



5.Kích chuột vào đối tượng 4

Câu 8

Khi thiết kế Form Design muốn viết lệnh cho từng đối tượng trên Form. Ta phải kích chuột vào đối tượng đó tiếp đến kích vào ? (Hình ảnh minh họa)

1.Kích chuột vào đối tượng 5

2.Kích chuột vào đối tượng 4

3.Kích chuột vào đối tượng 1

4.Kích chuột vào đối tượng 2

5.Kích chuột vào đối tượng 3



Câu 9: Hình sau thuộc dạng biểu mẫu nào

so luong

stt 1

ngaythang 4/14/1999

mamathang M1

soluong 2

Record: 1 of 4

- biểu mẫu dạng columar
- biểu mẫu dạng tabular
- biểu mẫu dạng datasheet
- biểu mẫu dạng justified

Câu 10: hình minh hoạ sau thuộc dạng biểu mẫu nào?

so luong2

stt	ngaytha	mamathang	soluong
1	4/14/1999	M1	2
2	4/14/1999	M2	1
3	4/14/1999	M3	3
4	4/15/1999	M	0
*	(AutoNumber)		0

Record: 1 of 4

- biểu mẫu dạng columar
- biểu mẫu dạng tabular
- biểu mẫu dạng datasheet
- biểu mẫu dạng justified

Câu 11: minh hoạ hình sau thuộc dạng biểu mẫu nào

so luong1

stt	ngaythang	mamathang	soluong
1	4/14/1999	M1	2
2	4/14/1999	M2	1
3	4/14/1999	M3	3
4	4/15/1999	M	0
*	(AutoNumber)		0

Record: 1 of 4

- biểu mẫu dạng columar
- biểu mẫu dạng tabular
- biểu mẫu dạng datasheet
- biểu mẫu dạng justified

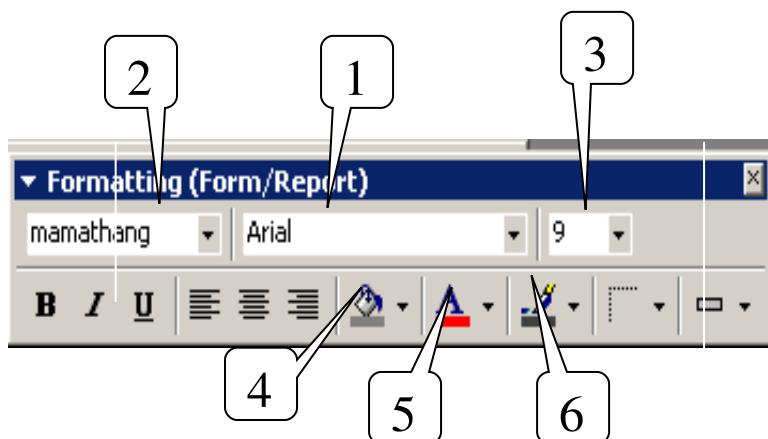
Câu 12: Khi tạo biểu mẫu thanh Toolbox không thấy, muốn lấy lại thao tác.

- a. Menu View/ toolbar/ toolbox
- b. Menu tools/customize/toolbars/toolbox
- c. **Kích chuột phải** trên vùng trống của thanh menu chọn toolbox
- d. **Tất cả đều đúng**

Câu 13: Muốn lấy thanh Form design, khi không thấy , thao tác?

- a. vào Menu view/toolbar/Form design
- b. vào Format/ toolbar/form design
- c. Vào Insert/form design
- d. Vào Edit/ toolbar/ form design

Câu 14: Để định dạng cho các trường về: font, font size, màu chữ, màu nền, thao tác:



- a. chọn 1,3, 4, 5
- b. chọn 2, 3, 5, 6
- c. chọn 1, 3, 5, 6
- d. chọn 2, 3, 4, 6

Câu 15:

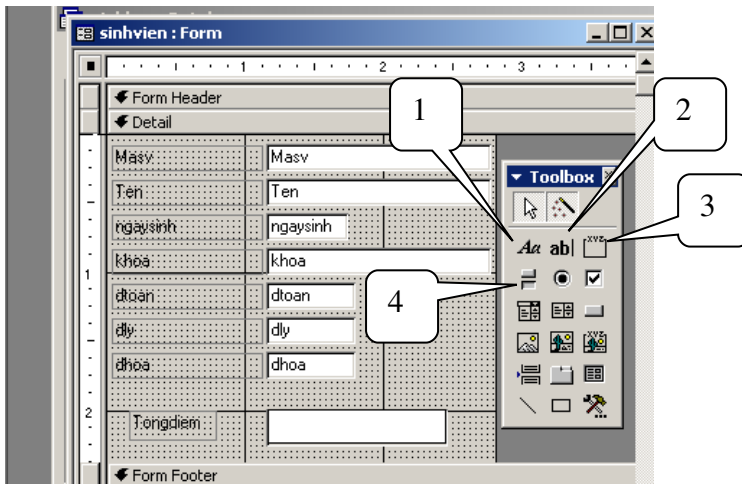
Biểu mẫu (form) trong access dùng để:

- a. Thể hiện, cập nhật dữ liệu cho bảng và tổ chức giao diện chương trình
- b. Quản trị người dùng
- c. Quản lý các tệp tin
- d. Chứa dữ liệu giống như bảng

Câu 16: Một biểu mẫu thông thường gồm có các thành phần

- a. form header, form fields, form detail, form footer
- b. page header, detail, page footer
- c. form header, page header, detail, page footer, form footer
- d. form header, page, header, form fields, page footer, form footer

câu 17: Hình minh họa sau : để tạo thêm một trường tổng điểm trên form thao tác?

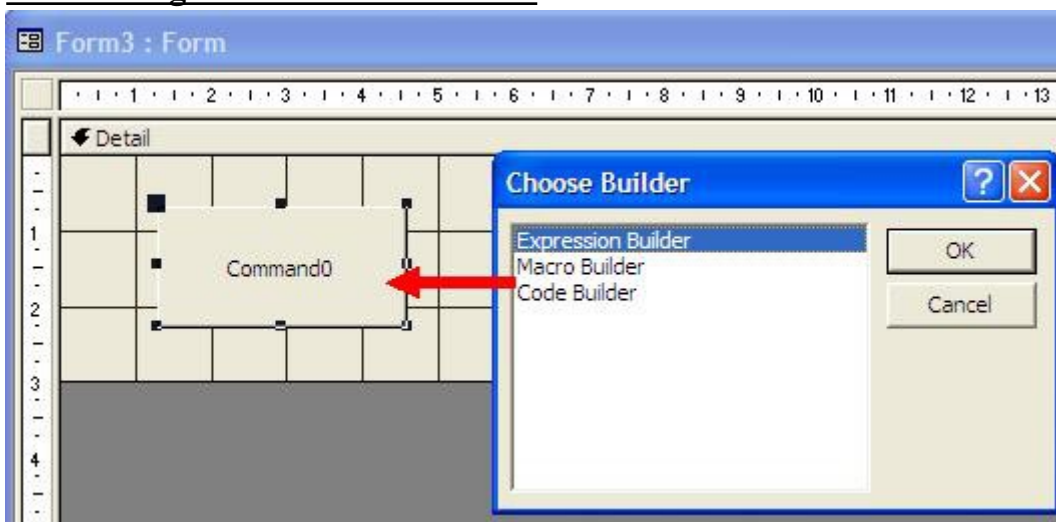


- a. **chọn 1**
- b. **chọn 2**
- c. **chọn 3**
- d. **chọn 4**

Câu 18 :

Để đặt một hành động cho một command button bất kỳ, tương ứng với một sự kiện nào đó . Người sử dụng có thể chọn cách nào sau đây khi xây dựng Build Event :

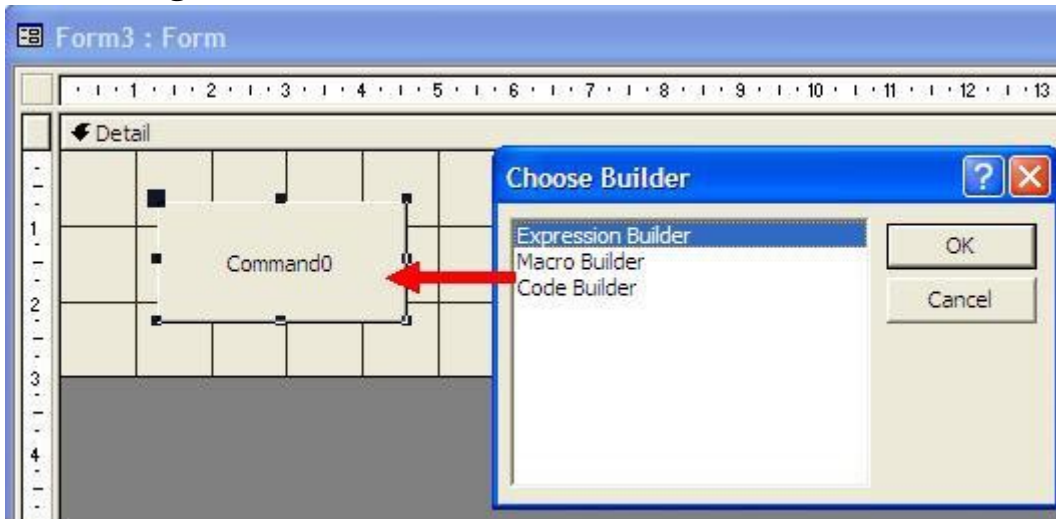
- A. Dùng Expression Builder
- B. Dùng Macro Builder
- C. Dùng Code Builder
- D. Dùng tất cả
- E. **Chỉ dùng Macro & Code Builder**



Câu 19 :

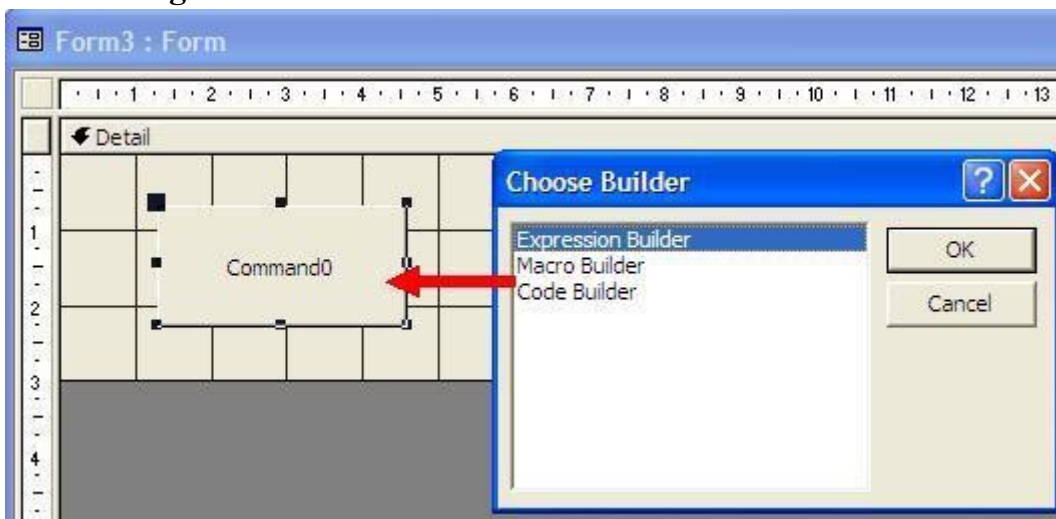
Để gán các lệnh của một Macro đã xây dựng cho một sự kiện nào đó của Command button , ta có thể chọn cách nào sau đây khi xây dựng Build Event :

- A. Dùng Expression Builder
- B. Dùng Macro Builder
- C. Dùng Code Builder
- D. Dùng tất cả
- E. Chỉ dùng Macro & Code Builder



Câu 20 :
Khi muốn lập trình để tạo ra các thủ tục đáp ứng sự kiện cho một Command button bất kỳ , ta thể chọn cách nào sau đây khi xây dựng Build Event :

- A. Dùng Expression Builder
- B. Dùng Macro Builder
- C. Dùng Code Builder
- D. Dùng tất cả
- E. Chỉ dùng Macro & Code Builder



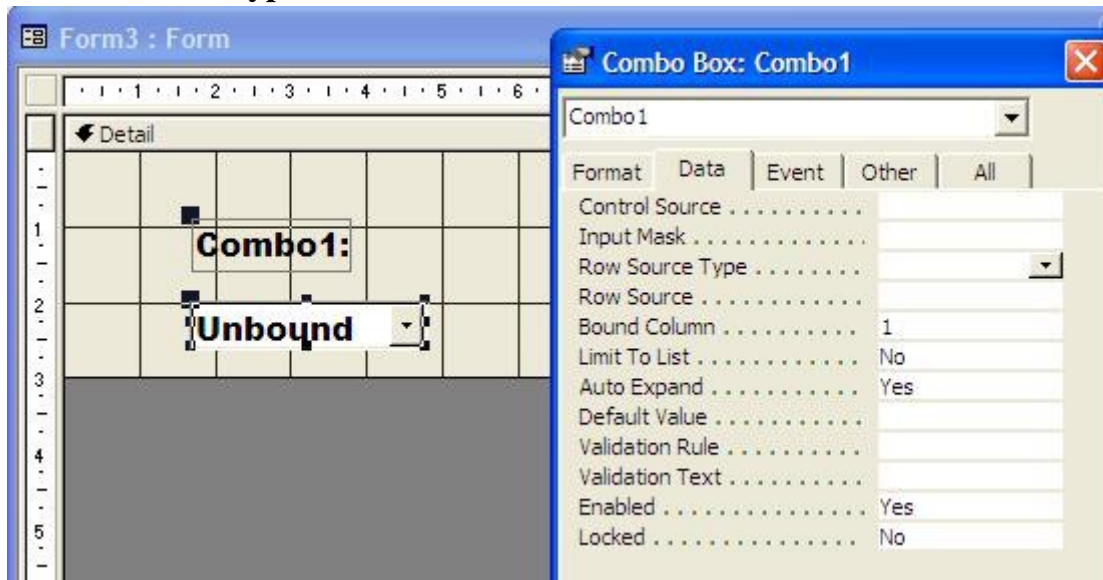
Câu 21 :
Nếu muốn lấy dữ liệu từ bảng đã có để đặt vào Combo Box , thì phải chọn thuộc tính nào :

- A. Control Source
- B. Input Mask

C. Row Source

D. Bound Column

C. Row Source type



Câu 22 :

Khi muốn nhập dữ liệu thủ công vào Combo Box trong một Form bất kỳ, thì ta sử dụng thuộc tính nào sau đây để nhập :

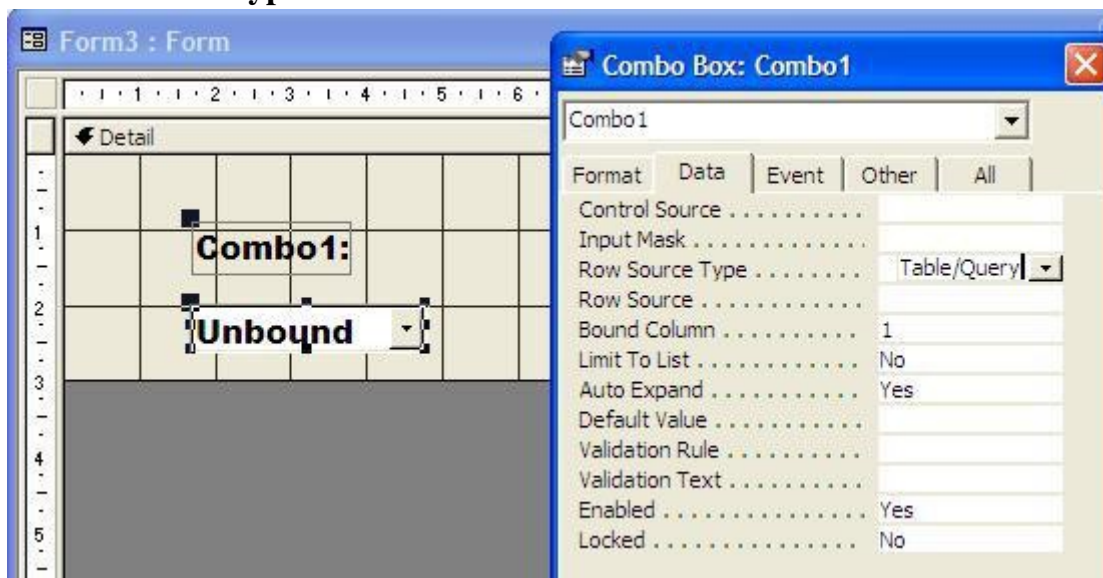
A. Control Source

B. Input Mask

C. Row Source

D. Bound Column

C. Row Source type

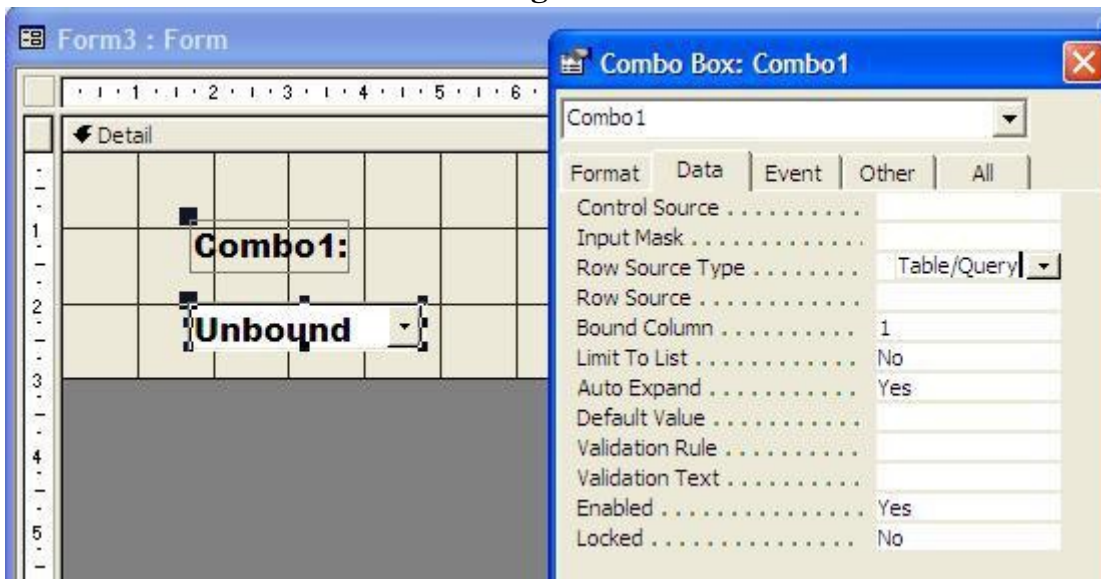


Câu 23 :

Trong khi xây dựng các đối tượng của Form, công cụ Control Wizard thường được sử dụng để :

A. Tự động tạo các đối tượng.

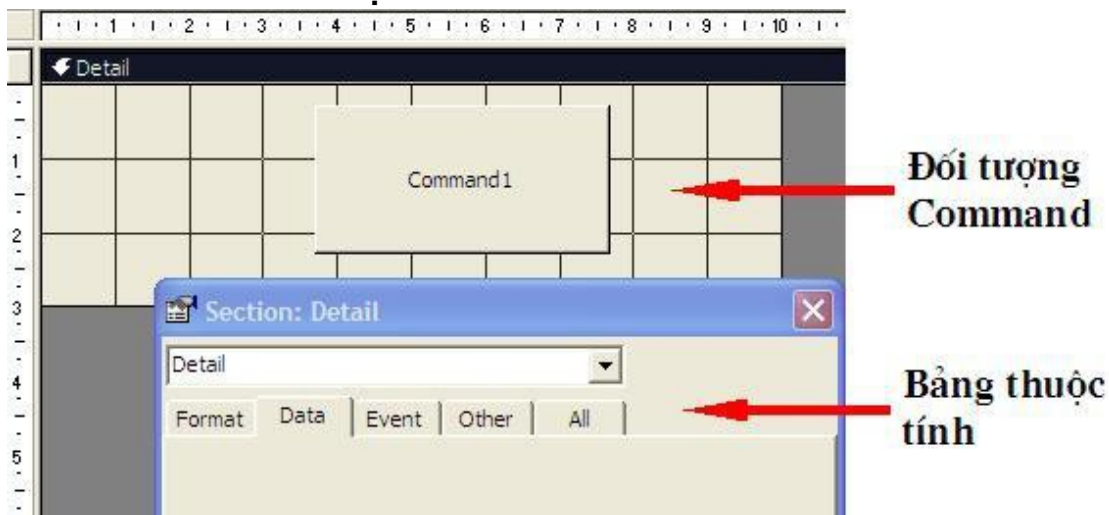
- B. Tự động đưa dữ liệu cho các đối tượng.
- C. Tự động gắn các lệnh cho các đối tượng
- D. Tự động thực hiện việc đặt điều khiển cho các đối tượng
- E. Tất cả câu trả lời trên đều đúng.



Câu 24 :

Sau khi tạo ra một thủ tục trong lập trình , nếu muốn đặt thủ tục này đáp ứng một sự kiện nào đó cho nút command thì chọn nhóm thuộc tính nào :

- A. Nhóm thuộc tính Format
- B. Nhóm thuộc tính Event
- C. Nhóm thuộc tính Data
- D. Nhóm thuộc tính Other
- E. Tất cả các nhóm thuộc tính trên



Câu 25 :

Khi muốn định dạng một đối tượng bất kỳ (Vd : Command1...) bằng bảng thuộc tính , thì ta chọn nhóm thuộc tính nào :

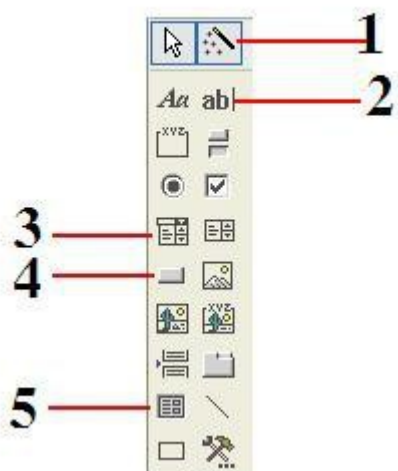
- A. Nhóm thuộc tính Format

- B. Nhóm thuộc tính Event
- C. Nhóm thuộc tính Data
- D. Nhóm thuộc tính Other
- E. Tất cả các nhóm thuộc tính trên



Câu 26 :
Hãy xác định công cụ nào là Combo Box

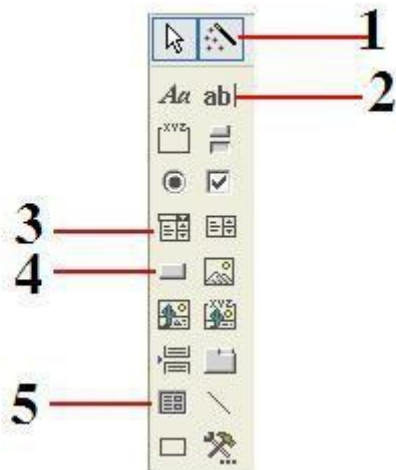
- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4
- E. 5



Câu 27
Hãy xác định công cụ nào là SubForm/SubReport

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

E. 5



Report

câu 1

Vùng *DETAIL* của *REPORTS* dùng để làm gì ?

1. Dùng để chèn các trường của bảng và Query
2. Không làm gì cả
3. Để in tiêu đề
4. Để tạo tiêu đề trên
5. Để tạo tiêu đề dưới

câu 2

Khi tạo bảng báo cáo có thể sử dụng các hàm và phép toán không ?

1. Có thể sử dụng các hàm và phép toán.
2. Không thể sử dụng các hàm và phép toán.
3. Chỉ sử dụng các hàm, chứ không sử dụng phép toán.
4. Chỉ sử dụng các phép toán chứ không sử dụng các hàm.
5. Có thể sử dụng các hàm và phép toán trừ hàm SUM

câu 3

Các báo biểu lấy thông tin hiển thị từ các đối tượng CDSL nào ?

1. Lấy từ truy vấn và các bảng
2. Lấy từ các bảng và Report
3. Lấy từ truy vấn và Report
4. Lấy từ Form và bảng
5. Lấy từ Report và bảng

Câu 4: Report có các thành phần cơ bản sau:

- A. Report Header, Report Footer, Detail, Page Header, Page Footer

B. Report Header, Report Footer, Detail, Page Header, Page Footer và có thể có các thành phần Group

C. Report Header, Report Footer, Detail

D. Detail, Page Header, Page Footer

Câu 5: Hàm Page() Trong Report dùng để làm gì?

Điền số thứ tự trang trong một bản báo cáo

Tổng số trang trong một bản báo cáo

Không dùng để làm gì cả

Để lấy ngày tháng trong hệ thống

Câu 6 Hàm Page() đặt trong thành phần nào của Report?

Page Header

Page Footer

Report Header

Report Footer

Cả A và B đều đúng

Câu 7: Muốn tạo nhóm trong Report ta làm thế nào?

A. View\ Grouping

B. View\ Sorting and Grouping

C. Insert\ Grouping

D. Insert\ Sorting and Grouping

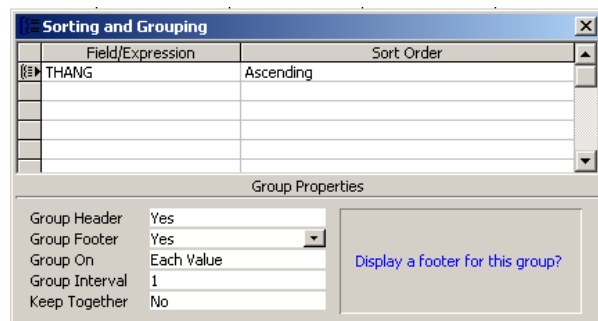
Câu 8: Để chọn trường THANG làm tiêu đề trên cho nhóm, ta thao tác như thế nào trong hộp thoại Sorting and Grouping

A. Ở mức Field/ Expression, chọn THANG, ở mức Group Header chọn Yes

B. Ở mức Field/ Expression, chọn THANG, ở mức Group Header chọn No

C. Ở mức Field/ Expression, chọn THANG, ở mức Group Footer chọn No

D. Ở mức Field/ Expression, chọn THANG, ở mức Group Footer chọn Yes



Câu 9: Để chọn nguồn dữ liệu cho một report, trên hộp thoại Properties ta chọn thành phần nào?

A. Event\ Record source

B. Data\ Record source


C. Format\ Record source

D. Other\ Record source

Câu 10: Để bật thanh công cụ Toolbox khi làm việc với Report ta làm thế nào?

A. View\ Toolbox

B. View\ ToolBars\ Toolbox

C. Kích chọn biểu tượng  trên thanh công cụ

D. Cả 3 cách đều đúng

Câu 11. Muốn định dạng màu nền cho các đối tượng trong Report, ta sử dụng thuộc tính nào trong hộp thoại Properties?

- A. Back ground
- B. Back color
- C. Bore Color
- D. Font Color
- E. Không có cách nào đúng

Câu 12. Để đưa giá trị ngày tháng năm, giờ phút giây hiện thời của hệ thống vào trong report, ta sử dụng hàm nào?

- A. Now()
- B. Page()
- C. Pages()
- D. Today()

Câu 13: Để tiêu đề trên được lặp đi lặp lại cho mỗi trang báo cáo, ở thuộc tính Page Header ta chọn:

- A. Not with Rpt Hdr
- B. Not with Rpt Ftr
- C. All pages
- D. Not with Rpt Hdr/Ftr

Macro

câu1

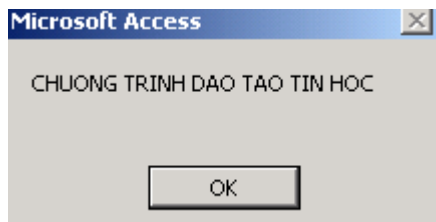
Macro là gì ?

1. Macro là một đối tượng thực thi chuỗi tác vụ khi được thi hành .
2. Macro là một đối tượng tạo ra các bảng CSDL và mở bảng đó.
3. Macro là một đối tượng tạo ra các Query và mở Query đó.
4. Macro là một đối tượng tạo ra các bảng báo cáo và mở bảng báo cáo đó.
5. Macro là một đối tượng tạo ra các Forms và mở Forms đó.

Câu 2

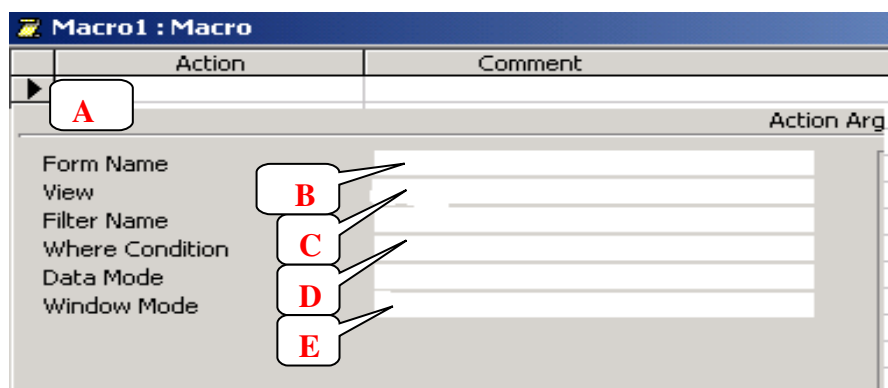
Muốn tạo một Macro như ảnh trên ta phải chọn mục nào trong phần Action.

1. Mục MsgBox
2. Mục Message
3. Mục Listbox
4. Mục Delete
5. Mục Openview



câu3

Tạo một Macro có chức năng mở một

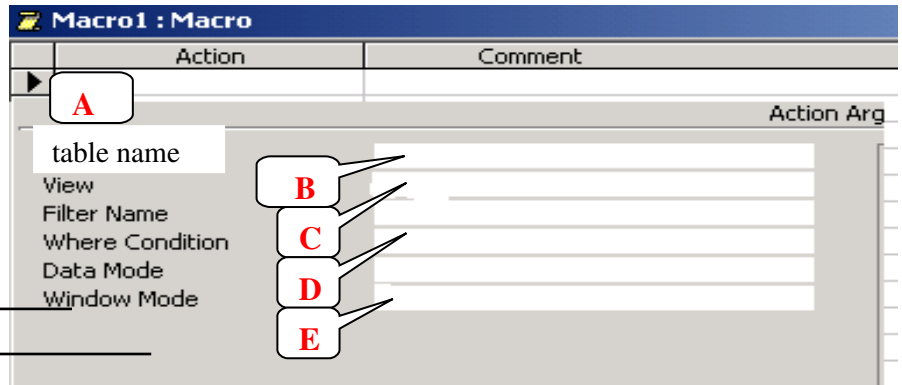


Form có tên là BANG LUONG thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

- A. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại B.
- B. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại C.
- C. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại D.
- D. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại E.
- E. Tất cả đều sai.

câu 4.

Tạo một Macro có chức năng mở một Table có tên là BANG LUONG thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)



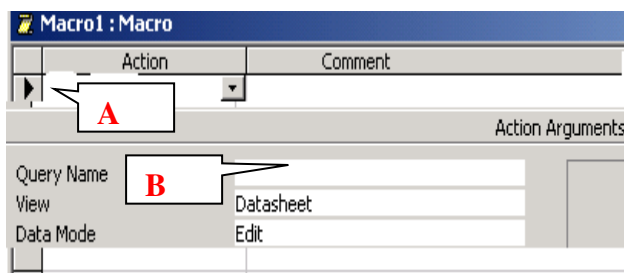
- A. Tại A chọn OpenTable, gõ BANGLUONG tại B.

- B. Tại A chọn OpenQuery, gõ BANGLUONG tại B.
- C. Tại A chọn OpenView, gõ BANGLUONG tại B.
- D. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại B.
- E. Tại A chọn OpenReport , gõ BANGLUONG tại B.

câu 5

Tạo một Macro có chức năng mở một Query có tên là BANG LUONG thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

- A. Tại A chọn OpenQuery, gõ BANGLUONG tại B.



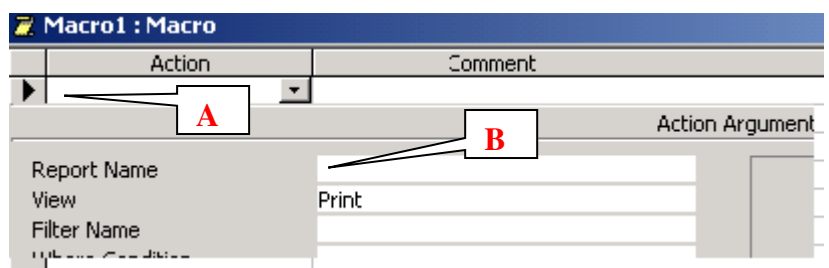
- B. Tại A chọn OpenTable, gõ BANGLUONG tại B.
- C. Tại A chọn OpenView, gõ BANGLUONG tại B.
- D. Tại A chọn OpenForm, gõ BANGLUONG tại B.

- E. Tại A chọn OpenReport , gõ BANGLUONG tại B.

câu 6

Tạo một Macro có chức năng mở một Report có tên là BANG LUONG thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

- A. Tại A chọn OpenReport , gõ BANGLUONG tại B.



- B. Tại A chọn OpenQuery, gõ BANGLUONG tại B.
- C. Tại A chọn OpenTable, gõ BANGLUONG tại B.
- D. Tại A chọn OpenView, gõ BANGLUONG tại B.
- E. Tại A chọn OpenForm , gõ BANGLUONG tại B.

câu 7

Tạo một Macro có chức năng đóng một bảng DANHSACH đang mở thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

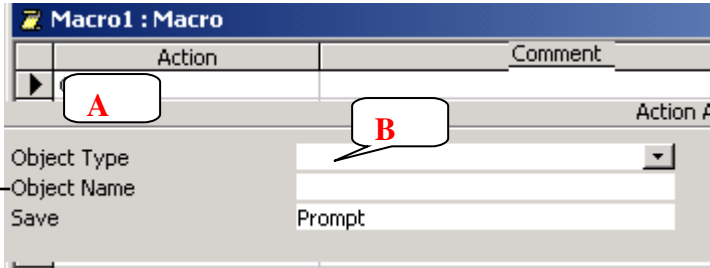
A. Tại A chọn Close, tại B chọn Table, tại Object Name gõ DANHSACH.

B. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Table, tại Object Name gõ DANHSACH.

C. Tại A chọn Close, tại B chọn Data Access Page, tại Object Name gõ DANHSACH.

D. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Data Access Page, tại Object Name gõ DANHSACH.

E. Tất cả đều sai.



câu 8

Tạo một Macro có chức năng đóng một Form DANHSACH đang mở thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

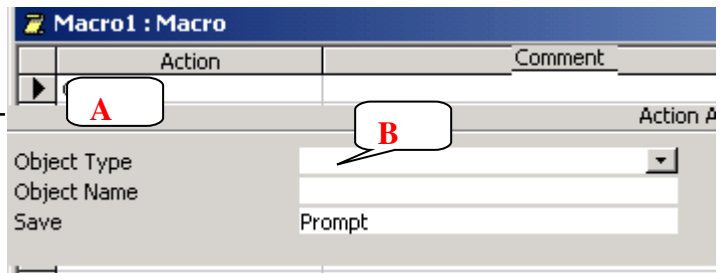
1. Tại A chọn Close, tại B chọn Form, tại Object Name gõ DANHSACH.

2. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Form, tại Object Name gõ DANHSACH.

3. Tại A chọn Close, tại B chọn Report, tại Object Name gõ DANHSACH.

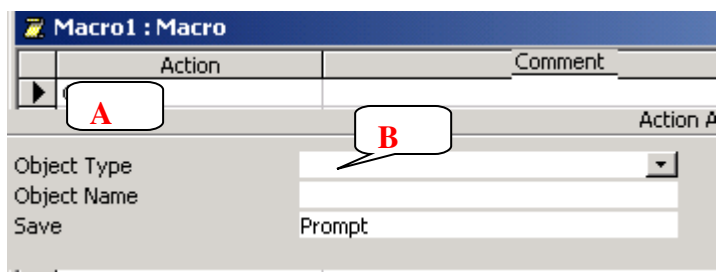
4. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Report, tại Object Name gõ DANHSACH.

5. Tất cả đều sai.



câu 9

Tạo một Macro có chức năng đóng một Report DANHSACH đang mở thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)



1. Tại A chọn Close, tại B chọn Report, tại Object Name gõ DANHSACH.
2. Tại A chọn Close, tại B chọn Form, tại Object Name gõ DANHSACH.
3. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Form, tại Object Name gõ DANHSACH.
4. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Report, tại Object Name gõ DANHSACH.
5. **Tất cả đều sai.**

câu 10

Tạo một Macro có chức năng đóng một Query DANHSACH đang mở thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

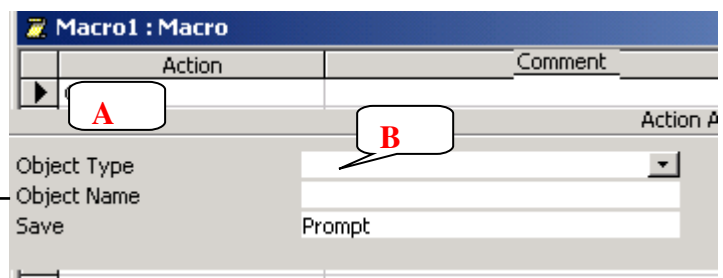
1. Tại A chọn Close, tại B chọn Query, tại Object Name gõ DANHSACH.

2. Tại A chọn Close, tại B chọn Query, tại Object Name gõ DANHSACH.

3. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Data Access Page, tại Object Name gõ DANHSACH.

4. Tại A chọn Close Object, tại B chọn Data Access Page, tại Object Name gõ DANHSACH.

5. **Tất cả đều sai.**



câu 11

Muốn tạo một Macro tự động mở Form nào đó khi chạy CT ta phải đặt tên cho Macro như thế nào ?

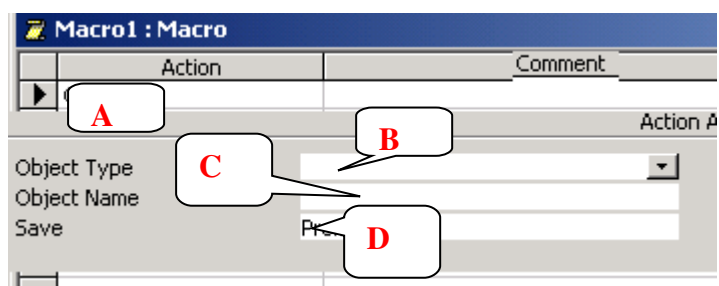
1. Đặt tên là : Autoexec.
2. Đặt tên là : Auto.
3. Đặt tên là : Stat.
4. Đặt tên là : Statup.
5. **Tên nào cũng được**

câu 12

Tạo một Macro có chức năng đóng bảng DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng bảng sẽ hiện thông báo hỏi có ghi dữ liệu trong bảng vào đĩa hay không.

Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

1. Tại A Chọn Close, tại B chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Table.



2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.
3. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.
4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.
5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

câu 13

Tạo một Macro có chức năng đóng bảng DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng bảng sẽ tự động ghi dữ liệu của bảng vào đĩa mà phải không phải hỏi. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

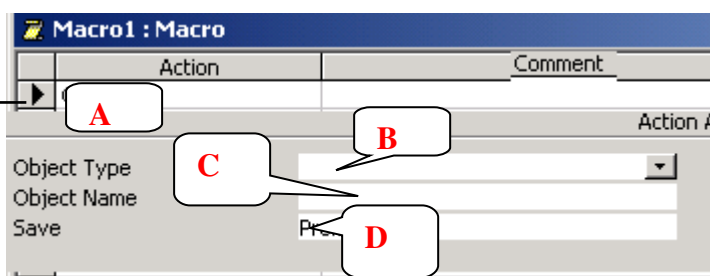
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.



câu 14

Tạo một Macro có chức năng đóng bảng DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng bảng máy sẽ không ghi dữ liệu vào đĩa. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

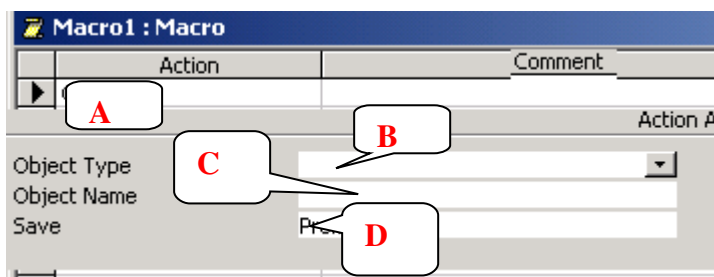
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Table.

4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.



câu 15

Tạo một Macro có chức năng đóng Form DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Form sẽ hiện thông báo hỏi có ghi lại mọi sự thay đổi trên Form hay không. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

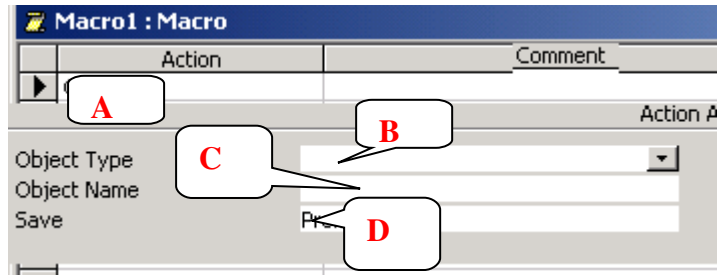
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

3. Tại A Chọn Close, tại B chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Form.

4. Tại A Chọn Close, tại B chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Data Access Page.

5. Tại A Chọn Close, tại B chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Data Access Page.



câu 16

Tạo một Macro có chức năng đóng Form DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Form sẽ tự động ghi lại toàn bộ sự thay đổi trên Form. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

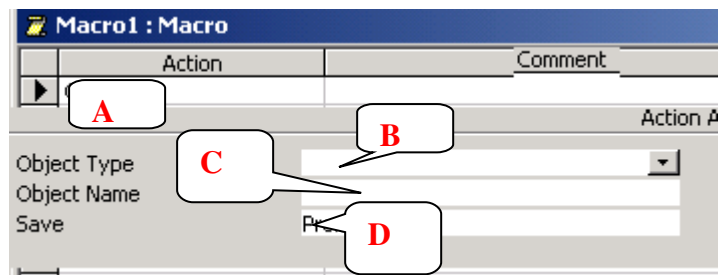
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

4. Tại A Chọn Close, tại B chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Data Access Page.

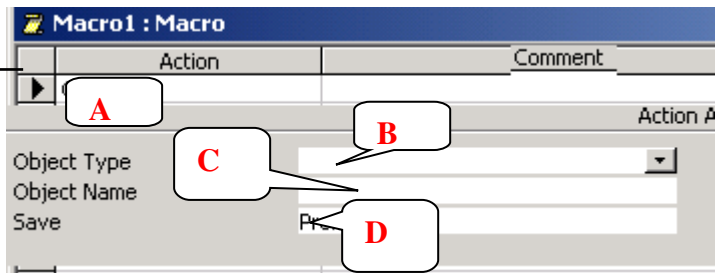
5. Tại A Chọn Close, tại B chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại D chọn Data Access Page.



câu 17

Tạo một Macro có chức năng đóng Form DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Form sẽ không ghi lại toàn bộ sự thay đổi trên Form. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

1. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.



2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Form.

4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

câu 18

Tạo một Macro có chức năng đóng Report DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Report sẽ hiện thông báo hỏi có ghi lại mọi sự thay đổi trên Report. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

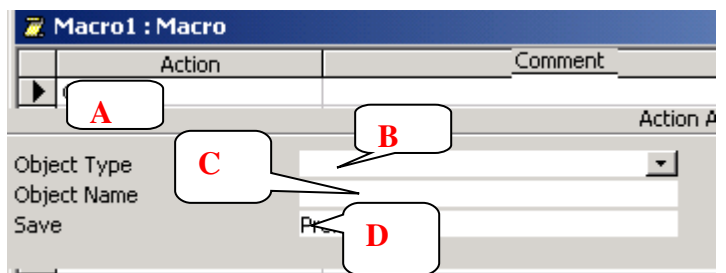
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.

4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

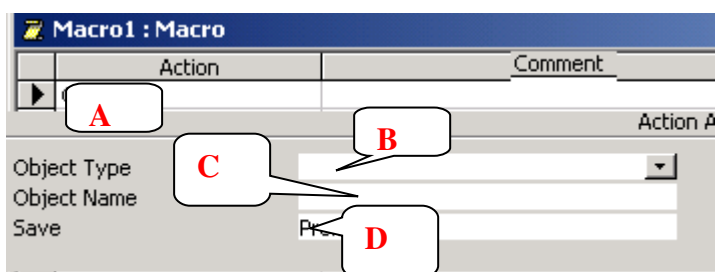
5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.



câu 19

Tạo một Macro có chức năng đóng Report DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Report sẽ tự động ghi lại mọi sự thay đổi trên Report. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.



2. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.**

3. **Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.**

4. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**

5. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**

câu 20

Tạo một Macro có chức năng đóng Report DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Report sẽ không ghi lại mọi sự thay đổi trên Report. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

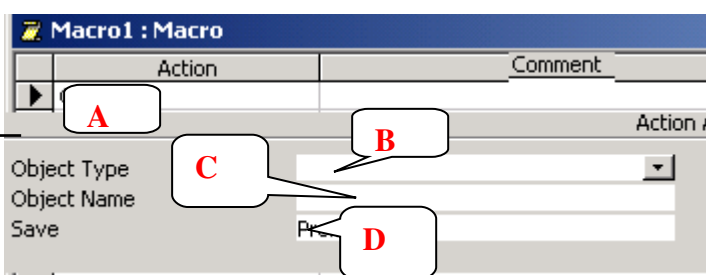
1. **Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.**

2. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.**

3. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Report.**

4. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**

5. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**



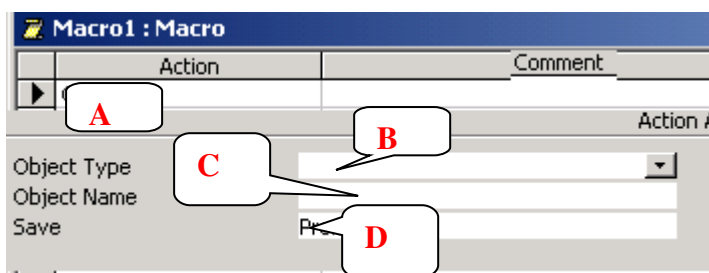
câu 21 ảnh

Tạo một Macro có chức năng đóng Query DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Query sẽ hiện thông báo hỏi có ghi lại mọi sự thay đổi trên Query hay không. Thì ta thao tác như thế nào ? (xem hình minh họa)

1. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Query.**

2. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Query.**

3. **Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gõ DANHSACH và tại B chọn Query.**



4. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**
5. **Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.**

câu 22

Tạo một Macro có chức năng đóng Query DANHSACH đang mở. Với yêu cầu là khi đóng Query tự động ghi lại mọi sự thay đổi trên Query. Thì ta thao tác như thế nào? (xem hình minh họa)

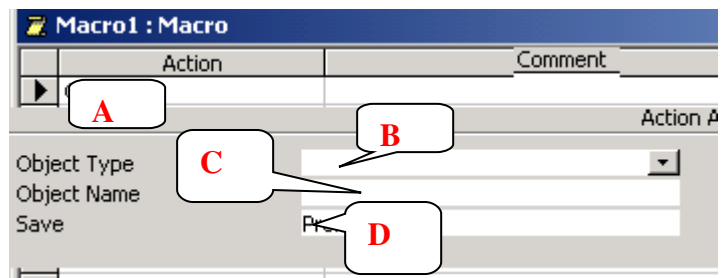
1. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Query.

2. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Query.

3. Tại A Chọn Close, tại D chọn No, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Query.

4. Tại A Chọn Close, tại D chọn Prompt, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.

5. Tại A Chọn Close, tại D chọn Yes, tại C gỡ DANHSACH và tại B chọn Data Access Page.



Module

Câu 1

Để giải bài toán tính tổng 2 số A và B, hãy cho biết những dòng sai của đoạn mã lệnh sau ?

1. Sub TINHTONG()
 2. Dim A,B,S
 3. A=Msgbox('Nhập số A')
 4. B=Msgbox('Nhập số B')
 5. S=A+B
 6. MsgBox 'Tổng 2 số A và B là ' & S
 7. End Sub
- A. Dòng 2 và 4 sai.
 - B. Dòng 1 sai.
 - C. Dòng 5 sai.
 - D. Dòng 2 sai.
 - E. Không có dòng nào sai.

Câu 2

Hãy cho biết dòng nào sai của đoạn mã lệnh sau ?

1. Sub Tinh_Tong()

2. Dim Hoi
 3. Hoi= InputBox('Bạn hỏi thứ mấy ?')
 4. Select Case Hoi
 5. Case 2
 6. MsgBox 'Hôm nay là thứ 2' & vbCrLf 'Sáng học Tin - Chiều học Toán'
 7. End select
 8. End sub
- A. Dòng 6 sai
 - B. Dòng 1 sai
 - C. Dòng 4 sai
 - D. Dòng 5 sai
 - E. Không có dòng nào sai

Câu 3

Hãy chọn phát biểu đúng của cấu trúc lệnh IF... Else... EndIf

```
IF <ĐK> Then
<Nhóm lệnh 1 >
Else
<Nhóm lệnh 2 >
End IF
```

- A. Nếu ĐK đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh 1>, nếu ĐK sai thì thực hiện <Nhóm lệnh 2>.
- B. Nếu ĐK sai thì thực hiện <Nhóm lệnh 1>, nếu ĐK đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh 2>.
- C. Nếu ĐK đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh 1>, nếu ĐK sai thì không thực hiện lệnh If.
- D. Nếu ĐK đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh 1>, nếu ĐK sai thì không thực hiện <Nhóm lệnh 2>.
- E. Nếu ĐK sai thì thực hiện <Nhóm lệnh 1>, nếu ĐK đúng thì không thực hiện <Nhóm lệnh 2>.

Câu 4

Hãy cho biết dòng nào sai của đoạn mã lệnh sau ?

1. Sub Tinh_Tong()
 2. For i=1 To 10
 - 3.S=S+I
 - 4.Next
 - 5.Msgbox'Tổng là '& S
 6. End Sub
- A. Dòng 3 sai
 - B. Dòng 5 sai
 - C. Dòng 2 sai

- D. Dòng 4 sai
- E. Không có dòng nào sai

Câu 5

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tong()

Dim S

S=0

For i=1 To 10

S=S+1

Msgbox'Tổng là '& S

End Sub

- A. S=10
- B. S=55
- C. S=12
- D. S=0
- E. S=1
- F.

Câu 6

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_TICH()

Dim S

S=1

For i=1 To 10

S=S *1

Next

Msgbox'Tích là '& S

End Sub

- A. S=1
- B. S=55
- C. S=12
- D. S=0
- E. S=255

Câu 7

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tong()

Dim S

S=2

For i=1 To 10 step 2

S=S+ I

Next

Msgbox'Tổng là '& S

End Sub

- A. S=27
- B. S=25
- C. S=12
- D. S=2
- E. S=13

Câu 8

Cú pháp của lệnh lặp For ... Next

A.FOR <Biến> =<Giá trị đầu> TO <Giá trị cuối> [Step<Bước tăng>]
<Nhóm lệnh>
Next

B. FOR<Biến> =<Giá trị đầu> TO <Giá trị cuối> [Step<Bước tăng>]
<Nhóm lệnh>

C.For With <Biến> =<Giá trị đầu> TO <Giá trị cuối> [Step<Bước tăng>]
<Nhóm lệnh>
Next

D.For Next <Biến> =<Giá trị đầu> TO <Giá trị cuối> [Step<Bước tăng>]
<Nhóm lệnh>
Next

E.For With <Biến> =<Giá trị đầu> TO [Step<Bước tăng>]
<Nhóm lệnh>
Next

Câu 9

Hãy chọn phát biểu đúng của cấu trúc lệnh Do Loop.

Do While <ĐK>

<Nhóm lệnh>

Loop

- A. Chừng nào ĐK còn đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK sai thì ra khỏi vòng lặp.
- B. Chừng nào ĐK còn sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK đúng thì ra khỏi vòng lặp.
- C. Chừng nào ĐK còn đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh>.
- D. Chừng nào ĐK còn sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>.

- E. **Chừng nào ĐK còn sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK đúng thì ra khỏi vòng lặp. Thì làm các lệnh sau Loop.**

Câu 10

Hãy chọn phát biểu đúng của cấu trúc lệnh Do Until Loop.

Do Until <ĐK>

<Nhóm lệnh>

Loop

- A. Chừng nào ĐK vẫn còn sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK đúng thì ra khỏi vòng lặp.
- B. **Chừng nào ĐK vẫn đúng sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK sai thì ra khỏi vòng lặp.**
- C. **Chừng nào ĐK còn đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh>.**
- D. **Chừng nào ĐK còn sai thì thực hiện <Nhóm lệnh>.**
- E. **Chừng nào ĐK còn đúng thì thực hiện <Nhóm lệnh>, khi ĐK sai thì ra khỏi vòng lặp. Thì làm các lệnh sau Loop.**

Câu 11

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tong()

Dim S

S=5

For i=1 To 10

S=S+ 1

Next

Msgbox'Tổng là '& S

End Sub

- A. S=15
- B. S=11
- C. S=10
- D. S=5
- E. S=6

Câu 12

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tich()

Dim S

S=10

For i=1 To 10

*S=S * 1*

Next

Msgbox'Tích là '& S

End Sub

- A. S=10
- B. S=55
- C. S=11
- D. S=255
- E. S=1

Câu 13

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tong()

Dim S,I

S=0

I=1

Do While I >10

S=S+I

I=I+1

Loop

MsgBox'Tổng là ' & S

End Sub

- A. S=0
- B. S=10
- C. S=11
- D. S=1
- E. S=45

Câu 14

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tong()

Dim S,I

S=0

I=1

Do While I =10

S=S+I

I=I+1

Loop

MsgBox'Tổng là ' & S

End Sub

- A. S=0
- B. S=45
- C. S=11
- D. S=1
- E. S=10

Câu 15

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tong()

Dim S,I

S=0

I=1

Do While I <>10

S=S+I

I=I+1

Loop

MsgBox'Tổng là ' & S

End Sub

- A. S=45**
- B. S=10**
- C. S=11**
- D. S=1**
- E. S=0**

Câu16

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tong()

Dim S,I

S=0

I=1

Do Until I>10

S=S+I

I=I+2

Loop

MsgBox'Tong la ' & S

End Sub

- A. S=25**
- B. S=10**
- C. S=45**
- D. S=11**
- E. S=0**

Câu 17

Để mở một Form có tên NHAPDIEM ta thực lệnh nào ?

- A. Docmd.OpenForm('NHAPDIEM')**
- B. Docmd.OpenReport('NHAPDIEM')**
- C. DoCmd.OpenQuery('NHAPDIEM')**
- D. DoCmd.OpenRecoset('NHAPDIEM')**
- E. DoCmd.OpenTable('NHAPDIEM')**

Câu 18

Để mở một Report có tên NHAPDIEM ta thực lệnh nào ?

- A. Docmd.OpenReport('NHAPDIEM')**
- B. Docmd.OpenForm('NHAPDIEM')**
- C. DoCmd.OpenQuery('NHAPDIEM')**
- D. DoCmd.OpenRecoset('NHAPDIEM')**
- E. DoCmd.OpenTable('NHAPDIEM')**

câu 19

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tich()

Dim S

S=0

For i=1 To 10 step 2

S=S*i

Msgbox'Tích là '& S

End Sub

- A. 0**
- B. 1**
- C. 10**
- D. 465**
- E. 525**

câu 20

Hãy cho biết kết S bằng bao nhiêu?

Sub Tong()

Dim S,I

S=0

I=0

Do Until I>10

S=S+1

I=I+1

Loop

MsgBox'Tong là '& S

End Sub

- A. 10**
- B. 12**
- C. 0**
- D. 1**
- E. 57**

câu 21

Hãy cho biết kết quả của S bằng bao nhiêu ?

Sub Tinh_Tich()

Dim S

S=1

For i=1 To 3

S=S*5

Msgbox'Tích là '& S

End Sub

A. 125

B. 175

C. 5

D. 25

E. 1

câu 22

Hãy cho biết đoạn mã lệnh sau sai ở dòng nào ?

1. Sub Nhap_Them_Click()

2. Dim DTB As DAO.Database

3. Dim REC As DAO.Recordset

4. Set DTB = CurrentDb()

5. Set REC = Openrecordset('DANH SACH')

6. Rec. AddNew

7. REC('SBD')=Text1

8. REC.Update

9. End Sub

A. Sai ở dòng 5

B. Sai ở dòng 1

C. Sai ở dòng 3

D. Sai ở dòng 4

E. Đúng hoàn toàn

câu 23

Hãy cho biết đoạn mã lệnh sau đáp ứng sự kiện gì ?

Sub Command_Click()

Dim KT

KT = MsgBox('Bạn thoát khỏi chương trình không ?', vbOKCancel, 'Thông báo')

If KT = 1 Then

End

End If

End Sub

A. Kích chuột trên Command điều khiển thì thủ tục thực hiện.

B. Kích đúp chuột trên Command điều khiển thì thủ tục thực hiện.

C. Di chuyển chuột trên Command điều khiển thì thủ tục thực hiện.

- D. **Kích chuột phải** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**
- E. **Kích đồng thời cả 2 phím chuột** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**

câu 24

Hãy cho biết đoạn mã lệnh sau đáp ứng sự kiện gì ?

Sub Command0_DblClick(Cancel As Integer)

Dim TB

TB = MsgBox('Bạn thoát khỏi chương trình không ?', vbOKCancel, 'Thông báo')

If TB = 1 Then

End

End If

End Sub

- A. **Kích đúp chuột trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.****
- B. **Kích chuột** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**
- C. **Di chuyển chuột** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**
- D. **Kích chuột phải** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**
- E. **Kích đồng thời cả 2 phím chuột** trên Command điều khiển thì **thủ tục thực hiện.**

câu 25

Hãy cho biết đoạn mã lệnh sau giải quyết bài toán gì ?

Sub Command_Click()

Dim DTB As DAO.Database

Dim REC As DAO.Recordset

Set DTB = CurrentDb()

Set REC = DTB.Openrecordset('DANHHSACH')

Rec. AddNew

REC('SBD')=Text1

REC.Update

End Sub

- A. **Thêm một bản ghi mới**
- B. **Sửa một bản ghi**
- C. **Xóa một bản ghi**
- D. **Ghi lại một bản ghi đã sửa**
- E. **Đóng tệp đang mở**

câu 26

Hãy cho biết đoạn mã lệnh sau giải quyết bài toán gì ?

Sub Command_Click()

Dim DTB As DAO.Database

Dim REC As DAO.Recordset

```
Set DTB = CurrentDb()
Set REC = DTB.Openrecordset('DANHSACH')
Rec. Delete
REC('SBD')=Text1
REC.Update
End Sub
```

- A. Xóa bản ghi hiện thời
- B. Thêm một bản ghi mới
- C. Sửa một bản ghi
- D. Ghi lại một bản ghi đã sửa
- E. Đóng tệp đang mở

Câu 27 :

Giả sử có một thủ tục được lập trình trong Module như sau.

```
Public Sub Selection()
Dim Key As Integer, str1 As String
k = InputBox("Nhập số bất kỳ")
Select Case k
Case 2
    str1 = "Today is Monday"
Case 8
    str1 = "Today is Sunday"
Case Else
    str1 = "No date"
End Select
MsgBox (str1)
End Sub
```

Sau khi chạy nếu nhập số là 10 thì kết quả in ra sẽ là :

- A. Today is monday.
- B. Today is sunday
- C. Nodate
- D. Không in kết quả ra màn hình.
- E. In tất cả kết quả trong A, B, C.

Câu 28.

Phát biểu MSGBOX trong Access thường được dùng để :

- A. Nhập giá trị dạng String từ bàn phím.
- B. Nhập giá trị dạng Number từ bàn phím.
- C. Nhập giá trị dạng bất kỳ từ bàn phím.
- D. Hiện thông báo dữ liệu dạng String ra màn hình
- E. Hiện thông báo các dạng bất kỳ dữ liệu ra màn hình.

Câu 29 :

Phát biểu INPUTBOX trong Access thường được dùng để :

- A. Nhập dữ liệu dạng String từ bàn phím.**
- B. Nhập dữ liệu dạng Number từ bàn phím.**
- C. Nhập dữ liệu dạng bất kỳ từ bàn phím.**
- D. Hiện thông báo dữ liệu dạng String ra màn hình**
- E. Hiện thông báo các dạng bất kỳ dữ liệu ra màn hình.**

Câu 30:

Đoạn thủ tục dưới đây sẽ có kết quả như thế nào sau khi chạy nếu dữ liệu nhập vào là số 10.

Public Sub Calc()

Dim n As Integer

n = InputBox("Nhap so")

n = n & 10

MsgBox (n)

End Sub

Kết quả là :

A.20

B.0

C.1010

D.Thông báo lỗi tại dòng lệnh : n=n & 10

E. Không hiện gì.

Câu 31 :

Đoạn thủ tục dưới đây sẽ có kết quả như thế nào sau khi chạy nếu dữ liệu nhập vào là số 10.

Public Sub Calc()

Dim n As Integer

n = InputBox("Nhap so")

n = n & 10

MsgBox (n)

End Sub

Kết quả là :

A.20

B.0

C.1010

D.Thông báo lỗi tại dòng lệnh : n=n & 10

E. Không hiện gì.

Câu 32 :

Khi sử dụng các biến đối tượng để mở bảng dữ liệu bất kỳ nào đó , trong cơ sở dữ liệu đang làm việc, Thì cần tối thiểu là các biến đối tượng loại :

A. Recordset , Database.

B. Recordset , Tabledef.

C. Recordset , Querydef.

D. Database , Tabledef.

E. Querydef , Tabledef.

Câu 33 :

Nếu chạy thủ tục dưới đây thì sẽ cho kết quả thế nào :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

RS.MoveFirst

End Sub

A. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi cuối cùng.

B. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi đầu tiên

C. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi trước bản ghi cuối cùng.

D. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi sau bản ghi đầu tiên

E. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi bất kỳ.

Câu 34 :

Nếu chạy thủ tục dưới đây thì sẽ cho kết quả thế nào :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

RS.MoveLast

End Sub

A. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi cuối cùng.

B. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi đầu tiên

C. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi trước bản ghi cuối cùng.

D. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi sau bản ghi đầu tiên

E. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi bất kỳ.

Câu 35 :

Nếu chạy thủ tục dưới đây thì sẽ cho kết quả thế nào :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

RS.MoveFirst

RS.Movenext

End Sub

- A. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi cuối cùng.
- B. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi đầu tiên
- C. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi trước bản ghi cuối cùng.
- D. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi sau bản ghi đầu tiên
- E. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi bất kỳ.

Câu 36 :

Nếu chạy thủ tục dưới đây thì sẽ cho kết quả thế nào :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

RS.MoveLast

RS.MovePrevious

End Sub

- A. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi cuối cùng.
- B. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi đầu tiên
- C. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi trước bản ghi cuối cùng.
- D. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi sau bản ghi đầu tiên
- E. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi bất kỳ.

Câu 37 :

Trật tự các bản ghi trong một Recordset bất kỳ , sau khi sử dụng các biến đối tượng cơ sở dữ liệu để mở một bảng dữ liệu sẽ bắt đầu từ :

- A. Bắt đầu từ 1
- B. Bắt đầu từ 0
- C. Bắt đầu từ -1
- D. Bắt đầu từ 2
- E. Bắt đầu từ một vị trí bất kỳ.

Câu 38 :

Nếu chạy thủ tục dưới đây thì sẽ cho kết quả thế nào :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

RS.Move 3

End Sub

- A. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi số 3
- B. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi số 4
- C. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi số 2
- D. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi sau bản ghi đầu tiên

E. Mở bảng điểm và chuyển đến bản ghi bất kỳ.

Câu 39:

Khi cần mở CSDL đang làm việc ta sử dụng cấu trúc nào sau đây :

- A. Dim Db as Dao.Database
Set Db = CurrentDB()**
- B. Dim Db as Dao.Database
Set Db = OpenDatabase()**
- C. Dim Db as Dao.Database
Set Db = Current()**
- D. Dim Db as Dao.Database
Set Db = Database()**
- E. Dim Db as Dao.Database
Set Db = CurrentDatabase()**

Câu 40 :

Khi muốn mở một tệp cơ sở dữ liệu bất kỳ (*.Mdb) thì ta sử dụng cấu trúc nào sau đây :

- A. Dim Db as Dao.Database
Set Db = CurrentDB()**
- B. Dim Db as Dao.Database
Set Db = OpenDatabase(*.Mdb)**
- C. Dim Db as Dao.Database
Set Db = Current()**
- D. Dim Db as Dao.Database
Set Db = OpenDatabase(<Tên tệp cơ sở dữ liệu>)**
- E. Dim Db as Dao.Database
Set Db = CurrentDatabase(<tên tệp cơ sở dữ liệu>)**

Câu 41 :

Giả sử có một hệ thống cơ sở dữ liệu đã được mở bằng thủ tục như sau :

Sub Open()

Dim Db As DAO.Database, RS As DAO.Recordset, str As String

Set Db = CurrentDb()

Set RS = Db.OpenRecordset("Diem")

End Sub

nếu muốn về bản ghi đầu tiên thì thực hiện tiếp thế nào :

- A. RS.MoveFirst**
- B. RS.Move 0**
- C. RS.MoveLast**
- D. Cả A,C đúng**
- E. Cả A, B đúng**

Câu 42 :

Public Sub Tong()

Dim N As Integer, s As Integer, i As Integer

N = InputBox("N = ")

s = 0

i = 1

Do Until i > N

s = s + i

i = i + 2

Loop

MsgBox (s)

End Sub

Đoạn chương trình trên được dùng để :

- A. Tổng dãy số từ 1 đến N**
- B. Tổng các số chẵn từ 1 đến N**
- C. Tổng các số lẻ từ 1 đến N**
- D. Tổng các số từ 1 đến N+1**
- E. Tổng các số từ 1 đến N-1**

Câu 43 :

Public Sub Tong()

Dim N As Integer, s As Integer, i As Integer

N = InputBox("N = ")

s = 0

i = 0

Do Until i > N

s = s + i

i = i + 2

Loop

MsgBox (s)

End Sub

Đoạn chương trình trên được dùng để :

- A. Tổng dãy số từ 0 đến N**
- B. Tổng các số chẵn từ 0 đến N**
- C. Tổng các số lẻ từ 0 đến N**
- D. Tổng các số từ 0 đến N+1**
- E. Tổng các số từ 0 đến N-1**

Câu 44 :

Đoạn chương trình sau đây sẽ thực hiện nhiệm vụ gì :

Public Sub Sum()

Dim N As Integer, i As Integer, S As Integer

N = InputBox("Nhập số bất kỳ")

```
S = 0
For i = 1 To N Step 2
S = S + i
Next
MsgBox (S)
End Sub
```

- A. Tính tổng các số từ 1 đến n
- B. Tính tổng các số chẵn từ 1 đến n
- C. Tính tổng các số lẻ từ 1 đến n
- D. S = 0
- E. Tính tổng các số từ 1 đến n +2

Câu 45

Đoạn chương trình sau đây sẽ thực hiện nhiệm vụ gì :

```
Public Sub Sum()
Dim N As Integer, i As Integer, S As Integer
N = InputBox("Nhập số bất kỳ")
S = 0
For i = 0 To N Step 2
S = S + i
Next
MsgBox (S)
End Sub
```

- A. Tính tổng các số từ 1 đến n
- B. Tính tổng các số chẵn từ 1 đến n
- C. Tính tổng các số lẻ từ 1 đến n
- D. S = 0
- E. Tính tổng các số từ 1 đến n +2

Câu 46 :

Đoạn chương trình sau đây sẽ thực hiện nhiệm vụ gì :

```
Public Sub Sum()
Dim N As Integer, i As Integer, S As Integer
N = InputBox("Nhập số bất kỳ")
S = 0
For i = 1 To N
S = S + i
Next
MsgBox (S)
End Sub
```

- A. Tính tổng các số từ 1 đến n
- B. Tính tổng các số chẵn từ 1 đến n
- C. Tính tổng các số lẻ từ 1 đến n

D. $S = 0$

E. Tính tổng các số từ 1 đến $n + 2$

Câu 47:

Trong khi lập trình nếu muốn dùng chạy hành động OpenForm của Macro thì sử dụng cấu trúc nào sau đây :

A. DoCMD.OpenForm

B. Macro.OpenForm

C. Do.OpenForm

D. OpenForm

E. DoCMD.Macro.OpenForm

Câu 48 :

Khi chạy đoạn chương trình sau thì kết quả của n sẽ là bao nhiêu khi ta nhập giá trị n là 12

```
Public Sub Tinh()
```

```
Dim n As Byte
```

```
n = InputBox("Nhập số ")
```

```
If n > 10 Then
```

```
n = n + 5
```

```
Else
```

```
n = n - 5
```

```
End If
```

```
MsgBox (n)
```

```
End Sub
```

Trả lời :

A.17

B.12

C. 7

D.5

E. 0

Câu 49 :

Khi chạy đoạn chương trình sau thì kết quả của n sẽ là bao nhiêu khi ta nhập giá trị n là 8

```
Public Sub Tinh()
```

```
Dim n As Byte
```

```
n = InputBox("Nhập số ")
```

```
If n > 10 Then
```

```
n = n + 5
```

```
Else
```

```
n = n - 5
```

```
End If
```

MsgBox (n)

End Sub

Trả lời :

A.13

B.8

C. 3

D.5

E. 0

Câu 50:

Khi chạy đoạn chương trình sau thì kết quả của n sẽ là bao nhiêu khi ta nhập giá trị n là 3

Public Sub Tinh()

Dim n As Byte

n = InputBox("Nhập số ")

If n > 10 Then

n = n + 5

Else

n = n - 5

End If

MsgBox (n)

End Sub

Trả lời :

A. 8

B. -2

C. 3

D. 0

E. Lỗi do tràn số (vượt quá giới hạn kiểu)

Câu 51 :

Trong khi lập trình nếu muốn dùng chạy hành động Close của Macro thì để đóng Form DANHSACH đang mở thì phải dùng cấu trúc nào sau đây :

A. DoCMD.Close ACForm, "Danhsach"

B. DoCmd.Close acForm, "Danhsach", acSaveYes

C. DoCmd.Close

D. DoCmd.Close "Danhsach"

E. DoCMD.Close acForm.

Câu 52 :

Đoạn chương trình sau đây sau khi chạy sẽ cho kết quả là bao nhiêu

Public Sub Cong()

Dim a As Integer, b As String, s As String

a = 10

```
b = "10"  
s = a & b  
MsgBox (s)  
End Sub
```

- A. 10
- B. 1010
- C. 20
- D. Lỗi do khác kiểu dữ liệu
- E. Không hiện kết quả gì.

Câu 53:

Đoạn chương trình sau đây sau khi chạy sẽ cho kết quả là bao nhiêu

Public Sub Cong()

Dim a As Integer, b As String, s As String

a = 10

b = "10"

s = a + b

MsgBox (s)

End Sub

- A. 10
- B. 1010
- C. 20
- D. Lỗi do khác kiểu dữ liệu
- E. Không hiện kết quả gì.

Câu 54:

Nếu có một thủ tục được lập trình như sau thì kết quả sau khi chạy sẽ là thế nào. Giả sử ngày hiện tại trong máy là #01/01/2003# và dữ liệu ngayd được định dạng là : dd/mm/yyyy.

Public Sub Cong()

Dim n As Integer, d As Date, s As String

n = 10

d = Date()

s = n + d

MsgBox (s)

End Sub

- A. Lỗi chương trình do khác kiểu dữ liệu.
- B. #06/01/2003#.
- C. 10
- D. #11/01/2003#
- E. Không thông báo gì.

Câu 55 :

Nếu một thủ tục được lập trình như sau , thì kết quả sau khi chạy sẽ là thế nào . giả sử kiểu dữ liệu Date được định dạng như sau : #mm/dd/yyyy#.

Public Sub Cong()

Dim D1 As Date, D2 As Date, S As String

D1 = #10/20/2002#

D2 = #10/15/2002#

S = D1 - D2

MsgBox (S)

End Sub

Trả lời :

A. Lỗi do khác kiểu dữ liệu

B. 5

C. #10/15/2002#

D. Không hiện gì.

E. #10/20/2002#

Câu 56 :

Đoạn chương trình dưới đây sẽ có kết quả như thế nào khi ta chạy :

Public Sub Tinhtoan()

Dim s As String, x As Integer, T

s = "Hello"

x = 10

T = s & 10

MsgBox (T)

End Sub

A.In ra màn hình "Hello10"

B.Lỗi Type Mismatch (Khác kiểu dữ liệu)

C.Không in ra màn hình kết quả gì

D.Lỗi do biến T không xác định kiểu dữ liệu

E.Có 2 lỗi Type Mismatch và không định kiểu của T

Câu 57:

Đoạn chương trình dưới đây sẽ có kết quả như thế nào khi ta chạy :

Public Sub Tinhtoan()

Dim s As String, x As Integer, T

s = "Hello"

x = 10

T = s + 10

MsgBox (T)

End Sub

A.In ra màn hình "Hello10"

B.Lỗi Type Mismatch (Khác kiểu dữ liệu)

C.Không in ra màn hình kết quả gì

D.Lỗi do biến T không xác định kiểu dữ liệu

E.Có 2 lỗi Type Mismatch và không định kiểu của T

Câu 58 :

Đoạn chương trình dưới đây sẽ có kết quả như thế nào khi ta chạy :

```
Public Sub Sub01()
```

```
Dim X As Byte, Y As Integer
```

```
X = InputBox("Nhập số thứ nhất")
```

```
Y = InputBox("Nhập số thứ hai")
```

```
S = X + Y
```

```
MsgBox (s)
```

```
End Sub
```

A.Lỗi khác kiểu dữ liệu do X kiểu Byte , Y kiểu Integer

B.Lỗi do biến S chưa được khai báo

C.In ra tổng 2 số X , Y

D.Không hiện kết quả gì.

E.Lỗi do biểu thức S=X+Y (phải thay bằng S = X & Y)

Câu 59 :

Đoạn chương trình dưới đây sẽ có kết quả như thế nào khi ta chạy :

```
Public Sub Sub01()
```

```
Dim N As Byte
```

```
N = InputBox("Nhập N ")
```

```
For I = 0 To N
```

```
s = s + I
```

```
Next
```

```
End Sub
```

A.Tổng các số từ 0 đến N , N không bị giới hạn

B.Tổng các số từ 0 đến N , N bị giới hạn từ 0 đến 255

C.Tổng các số từ 0 đến N , N bị giới hạn từ 0 đến 256

D.Không thể tính được do N không là số

E. Không thể tính được do chưa khai báo biến I

Câu 60 :

Đoạn chương trình dưới đây sau khi chạy sẽ có kết quả như thế nào :

```
Public Sub Sub04()
```

```
Dim N As Byte
```

```
N = InputBox("Nhập N ")
```

```
For I = 0 To N
```

```
s = s & I
```

```
Next
```

```
MsgBox (s)
```

```
End Sub
```


- A. Tổng các số từ 0 đến N , N bị giới hạn từ 0 đến 255
- B. Liệt kê các số từ 0 đến N , N bị giới hạn từ 0 đến 255
- C. Tổng các số từ 0 đến N, N không bị giới hạn
- D. Liệt kê các số từ 0 đến N , N không bị giới hạn
- E. Bị lỗi tại dòng lệnh S = S & I

Câu 61 .

Đoạn chương trình dưới đây sau khi chạy sẽ có kết quả như thế nào :

```
Public Sub Sub05()
Dim N As Integer , S as Long
N = InputBox("Nhập N ")
For I = 0 To N
S = S & I
Next
MsgBox (s)
End Sub
```

- A. Tổng các số từ 1 đến N
- B. Liệt kê các số từ 1 đến N
- C. Không chạy được do thiếu lệnh End For (kết thúc lặp For)
- D. Không chạy được do thiếu lệnh Next (kết thúc lặp For)
- E. Lỗi do lệnh gán : S = S + I (Do S không phải kiểu String).

Câu 62 .

Đoạn chương trình dưới đây sau khi chạy sẽ có kết quả như thế nào :

```
Public Sub Sub06()
Dim N As Integer , S as Long
N = InputBox("Nhập N ")
For I = 0 To N
S = S + I
MsgBox (s)
End Sub
```

- A. Tổng các số từ 1 đến N
- B. Liệt kê các số từ 1 đến N
- C. Không chạy được do thiếu lệnh End For (kết thúc lặp For)
- D. Không chạy được do thiếu lệnh Next (kết thúc lặp For)
- E. Lỗi do lệnh gán : S = S + I (do S không phải là kiểu String)

Câu 63:

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table) gồm 2 trường Table1(SBD , Diem) . Và được mở bằng các lệnh như sau:

```
Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset
Dim KQ1 , KQ2
```

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để lấy dữ liệu của bản ghi đầu tiên từ các trường bảng Table1 ta dùng các lệnh như thế nào :

- A. Rs.moveFirst
KQ1 = RS.SBD
KQ2 = RS.Diem
- B. Rs.moveFirst
KQ1 = RS.(SBD)
KQ2 = RS.(Diem)
- C. Rs.moveFirst
KQ1 = RS.[SBD]
KQ2 = RS.[Diem]
- D. Rs.moveFirst
KQ1 = RS![SBD]
KQ2 = RS![Diem]
- E. Rs.moveFirst
KQ1 = RS!(SBD)
KQ2 = RS!(Diem)

Câu 64:

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table) gồm 2 trường Table1(SBD, Diem). Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để xóa bản ghi đầu tiên ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

- A. Rs.MoveFirst
Rs.Delete
- B. Rs.MoveLast
Rs.Delete
- C. Rs.MoveFirst
Rs.MovePrevious
Rs.Delete
- D. Rs.MovePrevious
Rs.Delete
- E. Rs.MoveNext
Rs.Delete

Câu 65:

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table) gồm 2 trường Table1(SBD, Diem). Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để xóa bản ghi cuối cùng ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

A. Rs.MoveFirst

Rs.Delete

B. Rs.MoveLast

Rs.Delete

C. Rs.MoveFirst

Rs.MovePrevious

Rs.Delete

D. Rs.MovePrevious

Rs.Delete

E. Rs.MoveNext

Rs.Delete

Câu 66:

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table) gồm 2 trường Table1(SBD, Diem). Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để xóa bản ghi thứ hai ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

A. Rs.MoveFirst

Rs.Delete

B. Rs.MoveLast

Rs.Delete

C. Rs.MoveFirst

Rs.MovePrevious

Rs.Delete

D. Rs.moveFirst

Rs.MoveNext

Rs.Delete

E. Rs.MoveNext

Rs.Delete

Câu 67:

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table) gồm 2 trường Table1(SBD, Diem). Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để xóa bản ghi thứ năm ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

A. Rs.MoveFirst

- Rs.Delete
- B. Rs.MoveLast
Rs.Delete
- C. Rs.MoveFirst
Rs.MovePrevious
Rs.Delete
- D. Rs.moveFirst
Rs.MoveNext
Rs.Delete
- E. Rs.Move 4
Rs.Delete

Câu 68 :

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table)gồm 2 trường Table1(SBD , Diem) . Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để xóa bản ghi trước bản ghi cuối cùng ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

- A. Rs.MoveFirst
Rs.Delete
- B. Rs.MoveLast
Rs.Delete
- C. Rs.MoveLast
Rs.MovePrevious
Rs.Delete
- D. Rs.moveFirst
Rs.MoveNext
Rs.Delete
- E. Rs.MoveNext
Rs.Delete

Câu69 :

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table)gồm 2 trường Table1(SBD , Diem) . Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để sửa lại bản ghi thứ nhất ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

- A. Rs.MoveFirst
Rs.Edit

...

- B. Rs.MoveLast
 Rs.Edit
 ...

- C. Rs.MoveLast
 Rs.MovePrevious
 Rs.Edit

- D. Rs.moveFirst
 Rs.MoveNext
 Rs.Edit

- E. Rs.MoveNext
 Rs.Edit.

Câu 70 :

Giả sử trong cơ sở dữ liệu hiện hành có một bảng (Table)gồm 2 trường Table1(SBD , Diem) . Và được mở bằng các lệnh như sau:

Dim db As DAO.Database, rs As DAO.Recordset

Set db = CurrentDb()

Set rs = db.OpenRecordset("Diem")

Để sửa lại bản ghi cuối cùng ta phải viết tiếp các lệnh thế nào :

- A. Rs.MoveFirst
 Rs.Edit

- B. Rs.MoveLast
 Rs.Edit

- C. Rs.MoveLast
 Rs.MovePrevious
 Rs.Edit

- D. Rs.moveFirst
 Rs.MoveNext
 Rs.Edit

- E. Rs.MoveNext
 Rs.Edit.

